

HƯƠNG THƠM NIỆM PHẬT

Tỳ kheo Thích Phổ Huân

Diễn đọc: Tâm Kiến Chánh

Lời nói đầu

Đường về bến giác có muôn nẻo đường, pháp tu niệm Phật chỉ là một trong muôn nẻo. Nhưng theo lời dạy của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ thì pháp tu niệm Phật xứng hợp với thời đại ngày nay. Thời đại mà con người dễ bị trần cảnh làm lu mờ tánh giác.

Quyển sách nhỏ này chỉ là những lời thiết tha, thô thiển ca ngợi pháp tu quý báu này. Và cũng vì lòng tha thiết muốn chia sẻ đến những ai có nhân duyên với pháp tu niệm Phật, nên đã không nghĩ đến sự hiểu biết nông cạn của mình, do đó những điều sơ suất chắc chắn không tránh khỏi. Vậy kính mong chư vị độc giả, thiện hữu tri thức niệm tình chỉ dạy.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Chùa Pháp Bảo, 1998

T.K Thích Phổ Huân

Đôi lời trong lần tái bản

Quyển sách này được in lần đầu chỉ dưới 500 quyển. Lý do người viết đã không mời gọi quý thân hữu, Phật tử đóng góp ấn tống; thậm chí giấu luôn cả người thân trong gia đình mà chắc chắn sẽ đóng góp. Điều này vì muốn trọn đem công đức hồi hướng đến song thân quá vãng được siêu thoát về Phật cảnh.

Nay thì số ấn tống nhỏ nhoi đã hết, và nhân duyên được quý Phật tử đọc qua rồi phát tâm muốn ấn tống lại. Cũng nhân tiện này một vài lỗi trong sách được sửa như: chính tả và chữ sai.

Vậy xin hồi hướng công đức ấn tống này đến tất cả chúng sanh trong pháp giới đồng trọn thành Phật đạo.

Nam Mô A Di Đà Phật
Sydney, ngày 18/5/1998
TK. Thích Phổ Huân

Niềm Tin Trong Đạo Phật

Ngày xưa con người vì quá lạc hậu, yếu đuối nên tự khuôn ép tư tưởng vào những mê tín kỳ quặc; phó thác đời mình trong nghi thức sùng bái thần linh, ủy mị, để tự trấn an, xoa dịu, cầu khẩn đủ mọi thế lực bên ngoài. Từ đó không biết bao nhiêu hình thức tôn giáo, tín ngưỡng ra đời.

Sự phát sinh nhiều tín ngưỡng như vậy cho thấy con người của thời đại xưa luôn luôn sợ hãi, hằng mong cầu tìm kiếm cho mình một nơi nương tựa che chở, lắng dịu tâm hồn.

Quan niệm tư tưởng như thế mãi kéo dài cho đến khi đạo Phật ra đời. Bằng sự giác ngộ rốt ráo siêu việt. Đức Phật đã chỉ rõ đâu là mê đâu là tỉnh, cũng như cả thế giới, vũ trụ này đều do sự chuyển động tâm thức mà ra. Một số người bấy giờ bắt đầu học được chánh tín. Nhận ra ngay chính bản thân mình là nơi nương tựa, là nơi quyết định xa lìa vô minh phiền não đạt đến giác ngộ vô sanh.

Cho đến ngày nay hơn hai ngàn năm trăm năm, giáo pháp giác ngộ vẫn tồn tại, phát triển, và luôn luôn thích ứng với mọi hoàn cảnh, thời đại. Lại có thể nói nhờ vào chánh tín mà lời Phật dạy mới tồn tại, việc tu học của chúng ta mới được kết quả.

Nếu việc thực hành giáo pháp không gây cho ta niềm tin xác đáng, hay lệch lạc với lẽ phải đời sống thì kết quả hành trì sẽ không mang đến an lạc, hạnh phúc.

Niềm tin trong đạo Phật hẳn nhiên không phải là niềm tin mù quáng, chấp nhận, phó thác không suy xét. Trong lần nói chuyện với dân xứ Kesaputta đức Phật đã dạy như sau: *“Hãy đến đây: người Kalama, không nên chấp nhận điều gì chỉ vì nghe nói lại (tỷ như nghĩ rằng ta đã nghe điều này từ lâu). Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì tập tục cổ phong truyền lại như thế (tỷ như nghĩ rằng*

điều này đã được truyền lại từ bao nhiêu thế hệ). Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì lời đồn đãi như vậy (tỷ như tin lời người khác mà không suy xét). Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được ghi chép trong kinh sách. Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì mình đã ước đoán như vậy. Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì mình suy diễn như vậy. Không chấp nhận điều gì theo bề ngoài. Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hợp với thành kiến mình. Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hình như có thể chấp nhận được (tỷ như nghĩ rằng điều này phải được chấp nhận). Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì vị tu sĩ thốt ra điều này đã được ta kính trọng từ trước (và như vậy lời nói phải được chấp nhận).

Tuy nhiên khi tự các con hiểu rõ rằng – những điều này không hợp luân lý; những điều này đáng được khiển trách, những điều này bị các bậc thiện trí thức cấm đoán, nếu thực hiện những điều này sẽ bị phá sản và phiền muộn – thì hẳn các con phải từ bỏ, không làm điều ấy.

Khi tự các con hiểu rõ rằng – những điều này hợp luân lý; những điều này không bị khiển trách, những điều này được các bậc thiện trí thức tán dương, nếu thực hiện những điều này sẽ được an vui hạnh phúc – thì hẳn các con phải hành động đúng như vậy (1).”

Những lời dạy này cho chúng ta thấy sự xác tín rất quan trọng; đòi hỏi sự cẩn nhắc kỹ càng trước khi tin để thực hành. Việc thực hành với niềm tin như thế sẽ mang đến kết quả mỹ mãn, trái lại thực hành không mang lấy một niềm tin gì, điều này chẳng có lợi ích chi. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tin là nguồn gốc mẹ công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành, đoạn trừ lưới nghi ra khỏi dòng ái, mở bày đạo vô thượng Niết-Bàn...(2).*”

Để có được niềm tin sáng suốt, chân thật sau đây chúng ta tìm hiểu sơ lược một vài đức tin căn bản mà người Phật tử cần nên có.

1) Tin đức Phật

Như một con người, thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha) họ là Cồ Đàm (Gotama) ra đời năm 624 trước tây lịch cách đây 2622 năm ở Ấn Độ. Vương quốc Ngài, tên Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) cách thành phố Ba La Nại (Benares) 100 dặm về hướng đông bắc và khoảng 40 dặm gần núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya).

Lịch sử này được ghi lại do các nhà khảo cổ Ấn Độ và Tây Phương khám phá ra, cộng với chứng tích lịch sử của trụ đá vua A Dục (Asoka) để lại (thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch).

Truyền thuyết ghi rằng, tuy thái tử sanh ra và lớn lên trong nhung vàng nệm ấm, trong yêu thương, tôn kính. Nhưng Ngài vẫn nhận ra mầm móng đau khổ, lụy phiền của kiếp nhân sinh, mầm móng của sự đổ vỡ, bất toàn trong cảnh màu vàng tráng lệ. Cho đến dịp chứng kiến cảnh thật trong cuộc sống. Nhận thấy con người phải vất vả, lăn lóc, đấu tranh để mưu sinh. Loài cầm thú giành giết giết hại lẫn nhau vì sự sống. Cảnh đau khổ của Già, Bệnh, Chết và đặc biệt nhất là mục kích hình ảnh vị đạo sĩ mang phong thái đoan nghiêm trầm tĩnh... bao yếu tố đó đã nảy sanh trong tâm thái tử niềm băn khoăn, thao thức cho bản chất đời sống con người, từ đó đưa đến quyết định cho con đường xuất trần, thoát tục.

Thái tử vượt thành tâm đạo, trải qua sáu năm khổ hạnh. Học đạo và chứng được mọi pháp tu của các đạo sĩ nổi danh nhất thời bấy giờ. Tuy vậy thái tử vẫn chưa tìm được ánh sáng giác ngộ mà Ngài mong đợi. Cuối cùng bằng sự vận dụng trí lực kiên trì Ngài đã tự mình giác ngộ qua con đường Trung đạo (lìa hai cực đoan: buông lung khoái lạc và ép xác khổ hạnh), để trở thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đó Ngài được tôn xưng là Phật nghĩa là một người hoàn toàn thức tỉnh, giác ngộ, gột sạch hết mọi phiền não khổ đau...

Sơ lược dòng đời của Ngài chúng ta thấy, sự giác ngộ không đến từ bên ngoài; không phải lìa sự nỗ lực tự thân mà tìm cầu được chân lý. Do vậy tất cả là một thực tế sáng tỏ, cho thấy đức Phật là một con người bình thường như bao người. Và sự kiện Ngài trở thành Phật là kết quả của một cuộc chiến thắng vĩ đại to lớn nhất ở nội tâm. Truyện truyền kỳ trong kinh văn đã kể lại cuộc chiến đấu giữa Phật và Ma Vương vị chúa tể của sắc ái, tham lam, dục vọng ở thế gian. Kết quả Ma Vương phải thất bại lẫn vào trong bóng tối, để nhường lại ánh sáng huy hoàng giải thoát.

2) Tin giáo pháp của Phật là chân lý

Giáo lý kinh điển của Phật cao rộng muôn trùng, sâu xa thăm thẳm. Pháp môn lại có đến tám mươi bốn ngàn. Tùy mọi căn cơ của chúng sanh mà khai ngộ.

Người học Phật dù trình độ cao thấp ra sao nếu muốn nghiên cứu, hành trì vẫn được như ý.

Tuy rằng theo truyền thống, tập quán, phong tục hình thái, tín ngưỡng mỗi nơi có phần sai biệt; điều này cũng do thích nghi với hoàn cảnh. Tuy nhiên tất cả vẫn mang một sức sống thực và luôn luôn khai phóng luồng ánh sáng trí huệ vào tâm thức con người. Luồng ánh sáng đó là chân lý bất-di bất-dịch của vạn pháp. Để xác tín cho niềm tin giáo pháp của Phật là chân lý, xin đưa ra giáo pháp căn bản nhất là Tứ Diệu Đế.

Tứ Diệu Đế được xem là phần giáo lý cội gốc của đạo Phật và cũng là tinh ba quan trọng cho mọi người con Phật không phân biệt Tiểu thừa hay Đại thừa, Thiên tông, Tịnh độ.v.v...

Hầu hết người Phật tử ít nhiều đều biết qua Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế là bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật. Ngài giảng dạy cho năm anh em tôn giả Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển (Deer park) gần Ba La Nại (Benares).

Tứ Diệu Đế là bốn sự thật vi diệu, hay gọi là bốn chân lý vi diệu, đó là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Khổ đế

Khổ là một sự thật. Một sự thật hiển nhiên rõ ràng, ai ai cũng thấy biết. Một đứa bé mới sanh cũng đã tiết lộ cho mọi người thấy đó là tiếng khóc *“Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc, Trần có vui sao chẳng cười khi...”* (Nguyễn Công Trứ) hay là *“Thảo nào khi mới chôn nhau, Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra”* (Ôn Như Hầu). Tiếng khóc ấy kéo dài dằng dẳng đến lúc nhắm mắt lìa đời trong hình dáng một người già đau bệnh. Sự thật của khổ được thấy qua một cách cụ thể khi đức Phật dạy “Này các Tỳ Kheo, đây là chân lý về sự đau khổ: Sinh là khổ, già, đau, chết là khổ, gần người thù, xa người thân hoặc không đạt được nguyện vọng đều là khổ. Tóm lại những yếu tố vật lý và tâm lý cấu tạo nên con người đều đau khổ (3).”

Nhìn nhận đời là khổ không phải là bi quan, yếm thế mà là sự thành thật, sáng suốt thừa nhận. Nếu người ta có thể vui vẻ, phớt lờ được cái khổ nói trên, thì mới dám nói đây là quan niệm bi quan, yếm thế.

Thế gian vô thường, hoàn cảnh vật chất luôn thay đổi, hư hoại; con người lại nằm trong cái hư hoại đó thử hỏi làm sao tránh được khổ; cho nên khổ là chân lý. Và đã là chân lý thì dù ta có bi quan hay lạc quan khổ vẫn là khổ.

Tập đề: nguyên nhân của khổ

Nguyên nhân của khổ là do tham ái, dục tình. Chính sự luyến ái tham vọng này mà kéo đưa con người mãi trong vòng sanh tử. Việc khát khao ôm giữ tham dục không biết nhàm chán, từ đây sinh ra cái khổ triền miên không dứt.

Con người đã làm tường, một ước ao ham muốn nào đó sẽ dừng nghỉ khi được thỏa lòng chiếm hữu. Nhưng sự thật lại không bao giờ hài lòng thỏa mãn. Một gia tài kết xù lại quá nhỏ bé với một con người đầy tham vọng. Một mối tình đẹp của đôi tình nhân tưởng là hoa mộng thiên thu, nhưng rồi thỏa mãn hoa mộng đó cũng nguội lịm đi, và ước vọng dục tình khác lại nảy nở. Điều hạnh phúc của người này nhưng là việc đau khổ của người kia, và điều hạnh phúc của người kia thì họ chẳng bao giờ thấy đủ. Cái nghịch đảo bất thuận này nào đâu phải là nguyên nhân xa xôi huyền bí, tất cả chỉ do lòng tham dục mà ra. Chẳng hạn kẻ ăn xin bỗng dựng may mắn trở thành người đầy đủ tiền bạc, vậy mà một thời gian trôi qua, người ăn xin này bây giờ đã đầy đủ lại thấy mình còn thiếu kém khi nhìn người bên cạnh đầy đủ hơn. Thậm chí đến ngay kẻ đầy đủ nhất vẫn còn thấy cái đầy đủ đó không đủ như ước muốn; và vậy vẫn có cái khổ ở mức độ nào đó mà nhiều người tưởng rằng phi lý! Ước muốn kia chính là lòng tham muốn dục vọng không đáy. Do đây Phật dạy *“Này các Tỳ Kheo, đây là chân lý nguyên nhân sự đau khổ: Chính vì dục vọng mà ta phải luân hồi và cứ chạy theo lạc thú ở đời mãi (4).”*

Diệt đế: diệt trừ tham ái, phiền não

Biết được nguyên nhân tham dục, luyến ái là khổ. Vậy muốn diệt khổ thì phải chấm dứt mầm móng nguyên nhân này. Cũng như kẻ đau bệnh biết được bệnh phải chữa trị ngay, nếu không dù có rành mạch phân tích biết rõ lý bệnh cũng chẳng ích chi, rồi phải chết trong đau tức.

Khi khổ đã không còn hay nói cho đúng là tham dục, luyến ái, vọng tình, sân giận, si mê, vô minh, phiền não đều chấm dứt thì ở đây sự an tịnh, giải thoát

có mặt và trạng thái an lạc này còn gọi là Niết Bàn. Do đó kết luận rằng khổ chỉ có thể tiêu mất khi Diệt đã được thực hành, đó là chân lý.

Đạo đế: con đường đưa đến sự diệt khổ

Là con đường hướng dẫn hành giả làm thế nào đi trọn cuộc hành trình dứt lìa tham dục phiền não. Phương pháp thực hành tu tập được đức Phật dạy qua pháp Trung đạo, xa lìa hai cực đoan sai lầm: hành xác khổ hạnh và tham đắm khoái lạc. Hai lối sai lầm này được Phật ví như dây đàn căng quá và chùng quá. Đàn có thể nghe được khi mức độ căng dây vừa phải.

Con đường trung đạo được biết qua tám pháp gồm có:

1. Chánh kiến (hiểu biết chân chánh)
2. Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh)
3. Chánh ngữ (lời nói chân chánh)
4. Chánh nghiệp (hành động chân chánh)
5. Chánh mạng (sinh hoạt chân chánh)
6. Chánh tinh tấn (cố gắng siêng năng chân chánh)
7. Chánh niệm (ký ức chân chánh)
8. Chánh định (định tâm, tập trung chân chánh)

Trong tám pháp đây được chia ra làm Tam Vô Lậu học (mà người tu Phật phải xem là điều tối cần không thể lìa bỏ, đó là: Giới, Định, Huệ).

Các phần Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc về Giới.

Các phần Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc về Định. Và phần Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc về Huệ.

Nền tảng của Giới, Định, Huệ là căn bản cho con đường giải thoát. Bởi Giới là điều kiện ngăn chặn nghiệp ác, tăng trưởng nghiệp lành của ba nghiệp Thân Khẩu Ý. Định là định lực tập trung thanh lọc tư tưởng, và Huệ là trí tuệ thanh tịnh sáng suốt phát sinh ngay khi đó, sau khi Giới và Định lưu thông. Như thế đạo đế là chân lý rất ráo trong việc giải quyết sinh tử.

Trên đây chỉ tóm lược ý chính, nội dung của Tứ Diệu Đế để thấy rõ giáo Pháp của Phật là chân lý. Nếu muốn rõ hơn xin tra cứu ở những sách khác sẽ được khai triển rộng thêm.

3) Tin vào khả năng giác ngộ

Trong kinh Phạm Võng Phật dạy “*Đại chúng lòng nên tin chắc: Các người là Phật sẽ thành. Ta đây là Phật đã thành.*”(5).” Lời Phật dạy nói lên giáo pháp giải thoát không là của riêng ai. Điều giác ngộ giải thoát này sẵn có trong tâm của mọi người. Xưa kia khi Phật còn là Thái tử, Ngài cũng đã trần trở, dằn vặt với bao tham mê, giác tỉnh luôn hoành hành trong tâm tư. Nếu sự giác ngộ tự nhiên mà đến thì Ngài chẳng lìa cung điện tìm đạo làm gì. Phải chăng điều này cho thấy Ngài đã vất vả mới tìm ra đạo giải thoát.

Con người ngày nay nếu muốn tìm hưởng an lạc thì cũng phải dừng lại mọi phiền não lãng xăng. Phải nỗ lực lướt thắng những đam mê sa đọa và điều cần yếu nhất là phải tin vào khả năng của chính mình.

Giáo lý đức Phật đã đưa ra phương cách nhận diện khổ và diệt khổ một cách rõ ràng. Sự thật đó được thấy và được trực nghiệm ở ngay hoàn cảnh môi trường chúng ta. Bằng niềm tin chánh tín và tư duy sáng suốt chúng ta có thể hành động đúng theo nguyên lý sự thật ngay trong cuộc sống hiện tại mà không phải tìm vào sự ban ơn giáng phước của thế lực thần linh. Trong kinh Pháp Cú có dạy như sau:

“- Con người kinh hãi đi tìm nương tựa ở nhiều nơi đồi núi, rừng, vườn, cây cối, và đền miếu.

– Không, đó không phải là nương tựa an toàn, không phải nương tựa tối thượng ẩn náo như vậy không thể thoát ra khỏi phiền não.

Người đi tìm nương tựa nơi đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, có tri kiến chọn chánh để nhận thức Tứ Đế – Khổ, Nguồn khổ, Vượt khỏi khổ, và Bát Chánh Đạo, dẫn đến sự Diệt khổ.

Đó quả thật là nương tựa an toàn. Đó quả thật là nương tựa tối thượng. Tìm đến các nương tựa ấy ắt thoát ra khỏi mọi phiền não (6).”

Với niềm tin vào ba ngôi Tam Bảo và khả năng của chính con người để phá trừ mê tín như vậy. Con người sẽ có được nghị lực tin cậy ở ngay chính bản thân mình trên con đường thoát ly sinh tử, và như thế là niềm tin trong đạo Phật.

Thế Giới Cực Lạc Trong Sự Thật Hiện Hữu

Sự hiểu biết con người có hạn, và đối tượng của sự hiểu biết thì vô hạn. Khoa học của thời đại ở thế kỷ hai mươi này xem như vượt bực. Người ta đang nghĩ đến việc hoạch định chương trình du lịch lên cung trăng, giống như du lịch giải trí qua lại các nước với nhau. Chuyện này nghe qua hẳn như đùa nhưng tương lai chắc sẽ có, bởi con người đã dẫm chân lên mặt trăng cách đây gần ba mươi năm (20 July, 1969). Và mới đây nhất (4 July, 1997) phi thuyền Pathfinder đã chinh phục được sao hỏa (Mars), mang theo chiếc xe rô-bô (robot) dò thám của con người, lần đầu tiên lăn bánh trên mặt hành tinh này. Sự kiện đây là bước kỳ công của khoa học đánh dấu một ngày lịch sử ở cuối thế kỷ hai mươi. Tuy nhiên khoa học càng đeo đuổi việc khám phá không gian thì lại càng thấy vũ trụ mênh mông vô cùng tận. Cũng như sự hiểu biết của con người chỉ là một lóe sáng nhỏ nhoi của con đom đóm khi đem so với ánh sáng mặt trời tượng trưng cho muôn ngàn bí ẩn của vũ trụ.

Qua những kết quả mà khoa học đã mang lại, con người bây giờ đã thật sự tin rằng hành tinh (quả địa cầu) chúng ta đang ở chỉ là một trong những muôn tỉ hành tinh có sự sống. Rồi từ đây con người đã và đang cố gắng gióng lên tiếng nói liên lạc với thế giới bên ngoài trong khả năng có hạn của mình. Việc làm này đã gián tiếp chấp nhận lên tiếng một sự thật là có sự sống ở ngoài thế giới chúng ta.

Đi lùi lại quá khứ cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm tại Ấn Độ qua kinh văn. Nơi đó xuất hiện một bậc siêu phàm, đại trí mà người đời tôn xưng là Phật có nghĩa là một con người đạt được sự toàn thiện chân tánh; thấy và hiểu rõ tất cả vạn pháp. Với tự thân, tâm đã gột sạch mọi phiền não nhiễm ô. Vào thời kỳ này đức Phật đã tuyên bố rõ ràng là thế giới có hằng hà sa số không thể tính được, cũng như số lượng chúng sanh cũng vô cùng. Sự việc mà đức Phật thấy như vậy mãi đến hơn hai ngàn năm sau khoa học mới tìm ra.

Đức Phật thường dạy các đệ tử nên cẩn thận, nếu có thể tránh được, để khỏi vô tình giết hại những loài chúng sanh nhỏ nhít khó nhìn thấy, như các loài trong đất hay trong nước. Để rải lòng từ bi cho trọn, Phật dạy phải thường chú nguyện khi di động hay ăn uống.

Phật quán nhất bát thủy
Bát vạn tứ thiên trùng
Nhược bất trì thử chú
Nhu thực chúng sanh nhục
*(Phật quán trong một bát nước
Có tám vạn bốn ngàn vi trùng
Nếu như không trì chú (lúc uống)
Chẳng khác gì ăn thịt chúng sanh vậy)*

Nói về thế giới trong vũ trụ đức Phật dạy “...*Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp...*” (...*từ đây hướng về Tây Phương kia trải qua hết mười muôn ức Phật độ, có một thế giới gọi là Cực Lạc cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà hiện đang thuyết pháp ...*)

Lời dạy này của đức Phật sẽ khó mà tin được ở khoảng cách đây một ngàn năm, vì nền văn minh lúc bấy giờ còn quá thấp. Thiên văn học chưa ra đời, người ta chỉ biết có trái đất là duy nhất kể đó là mặt trời. Bây giờ con người đã văn minh, tiến bộ, khoa học đã vượt đến mức thật cao. Thiên văn học đã hé mở phần nào bức màn vũ trụ, tiết lộ rõ ràng trái đất và mặt trời không phải là hành tinh duy nhất có mặt trong vũ trụ, mà trong vũ trụ có đến vô cùng số lượng hành tinh thế giới không thể nói đếm được.

Riêng nói về vị thế của trái đất được nằm trong thái dương hệ bao gồm chín hành tinh là:

Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Quả Đất, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus), Hải Vương Tinh (Neptune) và Diêm Vương Tinh (Pluto) quay quanh mặt trời. Thái Dương Hệ này lại có đến hàng tỉ, nằm rải rác trong vũ trụ tạo thành những dạng thể riêng biệt như hình tròn, vuông, xoáy ốc, chong chóng v.v... lại gọi là Ngân

Hà. Và vĩ đại hơn nữa là Thiên hà, trong đó có vô số Ngân Hà gộp lại. Nhưng trong vũ trụ lại có đến hàng tỉ Thiên Hà. Vậy thì từ Thiên Hà nếu quay về tìm vị trí của trái đất cõi Ta Bà nơi chúng ta đang ở thì giống như tìm một hạt cát nào đó trong sa mạc cát vậy.

Từ đây ta thấy lời dạy của đức Phật trong kinh xưa hoàn toàn phù hợp với kiến thức khoa học ngày nay. Và câu nói “hằng hà sa số thế giới” thường được thấy trong kinh sẽ không còn xa lạ nữa với người còn hoài nghi đây là thật hay giả.

Việc rõ ràng hơn là sự công nhận xác tín của nhiều học giả, trí thức Tây phương đối với đạo Phật. Tiêu biểu hơn hết là lời tuyên bố của nhà Vật lý học lừng danh Albert Einstein:

“The religion of the future will be a cosmic religion. It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description .”

(Tôn giáo tương lai sẽ là một tôn giáo chung cho cả vũ trụ. Tôn giáo này vượt mức tin về một Đấng Thiêng Liêng nào đó có cá tánh và tránh hết các tín điều và lý thuyết. Bao trùm cả về thiên nhiên lẫn tinh thần, tôn giáo này phải căn cứ vào ý niệm đạo giáo phát sanh từ những thực nghiệm của mọi vật, thiên nhiên và tinh thần như một sự thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Thì đạo Phật đáp ứng được các điều đó (7).”

Trở lại lời dạy của đức Phật về thế giới Tịnh Độ A Di Đà, ta cũng hiểu rằng vũ trụ vẫn có vô số Tịnh Độ và cũng không phải chỉ có ở phương Tây mà cả khắp mười phương thế giới. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Phương Đông cõi Ta Bà này, có thế giới tên là Mật Huấn. Phương Nam có thế giới tên là Phong-Dật. Phương Tây có thế giới tên là Ly Cấu. Phương Bắc có thế giới tên là Phong Lạc. Phương đông-bắc có thế giới tên là Nhiếp-Thủ. Phương đông nam có thế giới tên là Nhiêu- Ích. Phương Tây Nam có thế giới tên là Tiên Thiểu. Phương Tây bắc có thế giới tên là Hoan Hỷ. Hạ phương có thế giới tên là Quan-Thược. Thượng phương có thế giới tên là Chấn Âm. Các đấng Như Lai trong*

mười phương thế giới này, mỗi vị có nhiều danh hiệu, cho đến vô lượng chư Phật ở vô số thế giới cũng đều như thế” (8).

Về Y báo và Chánh báo ở cõi Cực Lạc nghĩa là hoàn cảnh môi trường và con người thì được Phật tả là vi diệu, nên con người ở cõi Ta Bà khó mà tin theo. Nếu có thể tin thì người ta chỉ tin có thế giới Cực Lạc nào đó, nhưng việc nhà cửa cung điện do ngọc báu trang nghiêm hoá thành; các loại cây lá bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, san hô, mã não... thân người lại thanh tịnh, đủ các thứ diệu âm, thần thông công đức; đồ ăn thức uống tự do ý muốn mà hiện ra; khi ăn chỉ cần gửi hương thì no đủ, nhẹ nhàng không như bọn v.v... mà được đức Phật nói trong kinh Vô Lượng Thọ, thì xem ra khó thể tin được. Điều không tin này cũng hợp lý, vì lấy việc đây so với việc kia làm sao chẳng thấy khác biệt. Giống như một người ở xứ văn minh điện tử, đi vào bộ lạc thiếu số rồi kể về sự sinh hoạt cơ khí, điện tử ở công xưởng, ngân hàng, phi trường, siêu thị... thì làm sao người bộ lạc kia có thể hiểu và tin! Nếu nói phải giải thích cho ra việc nhiệm màu kia thì người ta mới tin, thì xin thưa, ngay tại thế gian này cũng có nhiều việc nhiệm màu xảy ra mà con người vẫn không biết làm sao giải thích. Sự kiện Hòa Thượng Thích Quảng Đức ngồi ngay trong lửa đỏ mà vẫn an nhiên, tự tại trong tư thế thiền tọa vững vàng. Và việc lạ lùng hơn là trái tim của Ngài lửa đốt vô hiệu quả.

Vấn đề nghi ngờ về thế giới màu nhiệm ở Cực Lạc Tây phương, nếu đem ra giải thích thế nào cũng không dứt được hoài nghi. Bởi vì sự huyền diệu, nhiệm màu của Phật pháp vượt ra ngoài hiểu biết của con người, do vậy kiến thức phạm phu khó thể suy tưởng nổi cảnh Phật, Thánh. Lấy thêm vấn đề nữa là xá lợi (xương cốt sau khi đốt hiện ra màu sắc như đá ngọc) của bậc chân tu xưa nay đã làm nhiều người thắc mắc, vì không thể xảy ra ở một người thường (người không có thực hành công phu tu học). Việc khó hiểu nữa là nhục thân bất hoại (thân chết mà không bị hư thối) của các vị tổ, như tổ Huệ Năng ở Trung Hoa (638-713), ở miền Bắc Việt Nam có Thiền sư Nguyễn Khắc Trường khoảng thế kỷ 17 cũng đã để lại nhục thân không hư hoại ...

Đó là một vài sự kiện trước mắt ngay thế giới này mà chúng ta cũng không hiểu nổi, nói chi ở một thế giới xa xôi kia. Huống chi dân chúng ở thế giới đó toàn là

các bậc thanh tịnh, dứt sạch mọi ô nhiễm, thì sự màu nhiệm đương nhiên là sự thường tình, cũng như chuyện ăn uống ở thế gian vậy.

Như muốn lần nữa xác nhận cõi Cực Lạc A Di Đà có thật thì chúng ta nên nhớ ngay lời miêu tả cõi Tịnh Độ chính do đức Phật Thích Ca nói ra; mà lời nói của đức Phật như đã trình bày ở phần trước luôn hợp với khoa học và muôn đời vẫn là thật ngữ.

Tóm lại vũ trụ vô cùng vô biên, thế giới lại hằng hà sa số, thì cõi Cực Lạc A Di Đà cũng chỉ là một cõi Phật hiện hữu thật có như bao cõi thế giới khác mà trong kinh Hoa Nghiêm đã dạy.

Chọn Pháp Môn Trong Thời Đại Văn Minh

Đời người ngắn ngủi chập chờn như giấc chiêm bao không thật có. Bao toan tính xây dựng hoa mộng trong đời là việc nửa chừng bỏ dở, rồi theo nghiệp mà đi để quay về mang kiếp hình khác, lại tiếp tục xây mộng giả. Nhưng nghiệp ngã thay cho nghiệp thức kia không chỉ chọn cảnh người mà tránh cảnh thú, hay ngựa quý, địa ngục... Vì vô minh vọng ác chẳng kể gì đêm tối hổ thẳm, nghiệp thức đã tạo phải trầm luân mãi sáu nẻo luân hồi.

Thương cho chúng sanh cứ lao theo trần cảnh chẳng muốn quay về. Đức Phật từ bi giảng dạy đủ mọi phương tiện pháp môn, hầu tùy tâm tự thích chọn lựa. Người tâm tưởng sáng suốt, tư duy nhạy bén căn tánh lưu thông thì chọn pháp môn đốn giáo nhận thẳng chân tâm, thấy tánh là Phật như pháp tu Thiền định. Người muốn đi sâu vào lý pháp chân như của vạn pháp Phật màu thì chọn pháp tu Viên giáo theo Hoa Nghiêm tông v.v... Và người muốn nương vào Phật lực cùng với tâm lực cầu sanh về cảnh Phật để hoàn tất con đường tu thì chọn pháp môn Tịnh Độ chẳng hạn.

Tất cả những phương tiện như vậy đều đưa chúng sanh về đến mục tiêu giải thoát. Tuy nhiên dù con đường đã sẵn có, mục tiêu quá rõ ràng vậy mà vẫn còn xa tít mờ mịt với chúng ta. Có phải chẳng đời nay đúng là đời mạt pháp. Trong quyển “Phật Học Tinh Yếu” của cố Hoà Thượng Thích Thiên Tâm phần nói về Phật Pháp Trong Ba Thời có tóm lược bốn thuyết về thời kỳ Phật pháp “...Các bậc danh đức bên Trung Hoa đều thể dụng thuyết chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1,000 năm, và y-cứ theo kinh Đại Bi thêm vào phần mạt

pháp 10,000 năm (9).” Và “Nhơn Vương Kinh Sớ” nói: “có giáo lý, có hành trì, có quả chứng gọi là chánh pháp. Có giáo lý, có hành trì không quả chứng, gọi là tượng pháp. Có giáo lý không hành trì, không quả chứng, gọi là mạt pháp (10)”.

Có thể nghĩ rằng thời tượng pháp không phải không có người chứng đạo, nhưng vì khó gặp khó thấy nên ví là không. Riêng thời mạt pháp cũng vậy, kẻ hành trì đúng pháp khó thấy khó gặp, chớ không phải không có. Từ đây lại thấy, thời mạt pháp người hành trì mà còn khó thấy, nói chi người chứng quả. Xét lại điều nói trên không phải cho là hoài công vô ích ở việc tu hành đời nay; mà đây là lời cảnh tỉnh để thức ngộ tánh giác cho việc giải quyết sinh tử. Vậy thì suy ra con đường tu tập của chúng ta phải thế nào để gọi là có hành trì và chỉ cần có hành trì thôi cũng là quý lắm rồi. Vì ngay thời tượng pháp có hành trì mà còn không quả chứng huống chi thời mạt pháp kinh nói không có hành trì, nghĩa là hành trì không đúng theo chánh pháp vậy, hay rõ hơn hành trì không đem đến sự thoát ly sinh tử. Thế thì làm sao giải quyết xa lìa sinh tử luân hồi ?

Trong đường nan giải mịt mù này ta hãy quan sát tìm lại con đường nào khả dĩ giúp ta không hoài công phí sức có được một chút hành trì cho đúng nghĩa của hành trì mà Phật dạy trong đời mạt pháp. Xem lại pháp môn tu của Phật, được biết đến hiện nay gồm có mười pháp môn tu theo mười tông phái: 1) Câu Xá Tông, 2) Thành Thật Tông, 3) Tam Luận Tông còn gọi là Tánh Không Tông, 4) Duy Thức Tông còn gọi là Pháp Tướng Tông, 5) Pháp Hoa Tông còn gọi là Thiên Thai Tông 6) Hoa Nghiêm Tông còn gọi là Hiền Thủ Tông 7) Luật Tông, 8) Thiền Tông, 9) Tịnh Độ Tông 10) Mật Tông còn gọi là Chơn Ngôn Tông.

Trong các pháp môn của những tông này hẳn nhiên là những con đường chắc chắn tiến tới giải thoát. Tuy thế trong các môn đây chỉ có pháp môn Tịnh Độ là có tha lực của đức Phật hộ trì tiếp dẫn. Còn lại các môn khác đều hầu như do tự lực hành đạo. Việc tự lực này không nói ai cũng rõ là phải khó hơn là nhờ tha lực. Lại hiểu đơn giản của tự lực là tự mình quyết định, tự mình tầm kiếm, tự mình đến nơi, và nếu có nhờ tha lực thì cũng nhờ rất ít, chớ thâm tâm tư tưởng vẫn hằng nuôi ý chí độc lập vào nghị lực của cá nhân mình.

Với ý nghĩ như vậy, thì người tu các pháp môn khác không phải là Tịnh Độ mà được quả chứng, phải là người có đầy đủ nghị lực, hay nói cho đúng phải là bậc thượng căn, thượng trí ...

Thời Phật còn tại thế Ngài đã không nói là phương pháp này khó, phương pháp kia dễ, phương pháp này các ông nên tu, phương pháp kia các ông nên bỏ v.v...mà Ngài chỉ nói ra những điều chân lý, tùy hợp với căn cơ của mỗi người. Trong Phật pháp do đó nghe nói đến kệ kinh có nghĩa kinh hợp với chân lý và căn cơ, thời đại hiểu biết của chúng sanh.

Vậy thì xét lại trí lực, căn cơ của con người bây giờ và hoàn cảnh thời đại ngày nay cách Phật quá xa, có thể cho ta một quyết định chọn lựa pháp môn sao cho thích hợp để hành trì mà không uổng tiếc.

Ồi thật may thay con đường thẳng tắp lối đi sáng tỏ đã được đức Phật chỉ bày rõ ràng dễ hiểu đó là con đường Tịnh Độ. Đường đi Tịnh Độ không phải gian nan hiểm trở, không phải đơn độc hành trì, và lại càng không phải đòi hỏi hành giả trí lực cao thâm, căn cơ trung, thượng hoàn cảnh nhất định nào đó v.v...

Đường đi Tịnh Độ chỉ là lối đi êm ái nhẹ nhàng trong niềm tin mãnh liệt của chánh pháp. Bất cứ người nào, không phân biệt nhỏ lớn, giàu nghèo, si mê, trí tuệ nếu sống đúng nhân cách thương người, mền vật rồi thực hành pháp môn này không kể ít hay nhiều chỉ thành tâm tha thiết thì nhất định sẽ được Phật gia hộ, khi lâm chung chắc chắn sanh về thế giới Phật A Di Đà.

Đặt trọn niềm tin với tịnh độ không có nghĩa là phó thác, ký nhờ. Người thực hành pháp môn này cũng phải gia công gắng sức nhớ ghi, quán tưởng, nhất tâm trì danh hiệu Phật, và với sự dụng công này, cũng được xem phải có tự lực. Cho nên pháp môn Tịnh Độ không hoàn toàn có nghĩa nhờ tha lực. Pháp tu Tịnh Độ lại có điều huyền diệu là không bị lệ thuộc vào chướng duyên nào trong việc hành trì. Hành giả niệm Phật có thể niệm Phật bất cứ nơi đâu mà không lo ngại nơi đây thanh tịnh nơi kia ô nhiễm. Do không hạn cuộc nên mới thích hợp với thời đại văn minh ngày nay.

Có người nghĩ rằng lao đầu vào công việc sinh nhai hẳn phải tạo nhiều nghiệp ác, nhưng lẽ nào khi ngã bệnh lại nhớ niệm Phật vài câu mà được vãng sanh?

Trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo, nhà vua khi thưa hỏi với tỳ kheo Na Tiên cũng có nghi vấn như vậy. “Vua hỏi:

– Nói rằng người ở thế gian làm điều ác đến trăm năm khi chết nếu biết niệm Phật, sau khi chết được sanh lên cõi trời, lời nói như vậy, tôi không tin. Lại nói một khi sát sanh chết liền đọa vào địa ngục Ni Lê, tôi cũng không tin.

Tỳ kheo Na Tiên đáp:

– Có người cầm viên đá nhỏ để trên mặt nước, đá đó nổi hay chìm? Vua trả lời chìm vậy. Na Tiên Tỳ-Kheo nói, như bưng trăm tảng đá lớn để trên chiếc thuyền, thuyền kia chìm hay nổi?

Vua đáp: – không chìm vậy.

Tỳ kheo Na Tiên nói rằng:

– Trăm tảng đá lớn để trong thuyền, thuyền vẫn không chìm. Người tuy có đại ác, nếu một khi biết niệm Phật, nhờ đó mà không đọa vào địa ngục Ni Lê, liền sanh lên cõi trời sao lại không tin? Viên đá nhỏ kia chìm như người làm ác không biết có Phật, không biết niệm Phật, sau khi chết đọa vào địa ngục Ni Lê, chuyện đương nhiên như thế, vì sao lại không tin?

Nhà vua nói: – Hay thay! hay thay!” (11)

Thế thì chúng ta thấy, xét cho cùng ở hoàn cảnh, tình huống mà con người phải bị lôi kéo vào dòng thác lũ của vật chất, văn minh dục lạc, thì lối thoát trở về với chân tâm khó có thể tìm ra được bằng con đường tự thân, tự lực. Trong quyển “Các tông phái đạo Phật”(12) của Đoàn Trung Còn, phần nói về tông Tịnh Độ có nhắc đến Ngài Pháp Nhiên bên Nhật. Trong thời gian tu hành thiền niệm Ngài đã đọc hết năm ngàn quyển kinh trong ba tạng kinh bằng chữ Hán, lại xem hết các kinh dẫn giải về đức Phật A Di Đà của tổ sư Viễn Công bên Tàu. Xét thấy hoàn cảnh, căn cơ thích hợp với pháp môn Tịnh Độ nên Ngài quyết định hành trì, chọn lựa pháp môn Tịnh Độ làm con đường hoằng hóa. Cuộc đời tu hành của Ngài được rất nhiều người kính mộ. Ngài được tôn là vị Giáo tổ kể từ đó. Trước khi nhắm mắt Ngài có viết tờ chúc truyền lại cho môn đệ như sau: “Đời nay không phải tham thiền thâm xét về trí

như mấy bậc hiền xưa. Đời nay ta phải thành tâm mà tuởng Phật, niệm Phật. Ta sẽ được về nơi Phật quốc, ta sẽ được giải thoát chớ chẳng không. Vậy ta cứ niệm Phật một cách vững vàng...” Lúc Ngài thọ bệnh mà tịch, cặp môi vẫn không ngớt niệm A Di Đà. Ngài hưởng thọ bảy mươi chín tuổi, mất năm 1212 cách đây hơn bảy trăm năm.

Qua lời dạy của Ngài chúng ta thấy một điều chắc chắn pháp môn Tịnh Độ hẳn phải là con đường dễ nhất làm ngọn đuốc dẫn chúng sanh ra khỏi đêm tối luân hồi. Bởi cách đây hơn bảy thế kỷ mà Ngài dạy là đời nay không phải tham thiền, thâm xét, tư tưởng học hỏi trí tuệ như bậc hiền xưa, thì thử hỏi sau bảy trăm năm nền văn minh vật chất đã quá tiến bộ, phức tạp, con người lại phải chạy theo đà văn minh rầm rộ này thì nghĩ lại lời Ngài dạy ta phải giật mình. Tuy nhiên ta cũng nên hiểu thêm, điều Ngài nhấn mạnh ở việc niệm Phật cầu vãng sanh là then chốt chớ không phải bác bỏ học hỏi, tư tưởng v.v... Như thế việc nhận ra khả năng và hoàn cảnh để chọn cho mình một lối tu là một điều thực tiễn mà mỗi người chúng ta phải tự lo liệu.

Kết lại đời nay đã rõ ràng không phải là thời chánh pháp hay tượng pháp, thế nên chúng ta hãy nhìn lại những bước đi của người trước mà thực hành theo pháp môn huyền diệu này như trong Đại Tập Kinh đã dạy: *“Mạt thế ức ức người tu không có một người giải thoát; chỉ nương pháp môn niệm Phật mà ra khỏi luân hồi (13).”*

Niệm Phật Với Tuổi Trẻ

Xưa nay pháp tu niệm Phật hay bị hiểu lầm, chỉ dành cho những người già, căn cơ thấp kém. Chính việc hiểu lầm này khiến cho một số người trẻ vốn đã không muốn vào cổng chùa lại càng lùi xa hơn nữa .

Bản chất của người trẻ thường là hăng say, vượt tiến ít khi chịu quy phục van xin. Tư tưởng quan niệm của người trẻ lại cần thực tế, nhất là phải khoa học mới thích ứng họ. Từ vấn đề này đa số người trẻ thường hay xem thường pháp môn niệm Phật. Họ có thể cho pháp môn niệm Phật là pháp tu cầu khẩn mơ hồ. Dù là họ không nói ra nhưng việc họ không bao giờ để ý, tìm hiểu đến việc niệm Phật vãng sanh, đã nói lên thành kiến đó.

Thật ra pháp môn niệm Phật dung hợp mọi căn cơ, ứng hợp mọi thời đại, và vậy trong đó đã gồm luôn cả người trẻ. Nhưng vì sao người trẻ vẫn khó tin? Điều này cũng dễ hiểu, vì họ thấy pháp môn niệm Phật chẳng có dụng công chi, chỉ có niệm Phật rồi cầu nguyện vãng sanh, dễ quá ai mà tin! Phần thì tánh chất của người trẻ phải là vượt lên chiến thắng; mà không có chiến đấu lấy đâu có chiến thắng, hấp dẫn được. Chiến đấu đây phải là công phu nội lực, tập trung định thần v.v...

Ít ra thì họ cũng đúng vì theo truyền sử của Phật, họ thấy trước khi thành Phật Ngài đã chiến đấu với Ma Vương bằng nội tâm, chiến đấu với thể xác qua khổ cảnh và sự chiến đấu kia đã mang lại chiến thắng huy hoàng, đắc đạo của Bồ Tát Tất Đạt Đa, để trở thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác; chớ có đâu chỉ lâm râm niệm Phật mãi mà vượt thoát sinh tử sao! Vì nghĩ như vậy người trẻ đã không tìm thấy vẻ hấp dẫn nào trong pháp tu niệm Phật. Nhưng thật tiếc thay ước vọng của người trẻ, trong việc tìm kiếm một sự chiến thắng tương tự như thế, sẽ không thể nào được như ý. Sự chiến thắng nội tâm, chiến thắng dục vọng chỉ có thể đến từ con người thượng căn, thượng trí... Với chiến thắng vật chất, kiến thức xã hội không thể so sánh được. Người trẻ vì cảm thấy không khó khăn gì để thắng trận vật chất, thu thập kiến thức, nên họ nghĩ bước vào đạo giáo cũng phải như vậy. Tư tưởng như thế thật quý, đức Phật cũng đã dạy hãy tự thấp đuốc mà đi, hãy tự lấy mình làm nơi nương tựa và kinh Pháp Cú đã dạy *“Hãy tự mình chiến thắng lấy mình hơn là chiến thắng kẻ khác, không ai có thể thắng người đã tự thắng mình (14).”*

Nhưng hoàn cảnh ngày nay, khác ngày xưa nhiều lắm. Thời đại xa xưa con người với sinh hoạt thô sơ, hoàn cảnh giản đơn, nếp sống an bình thành ra tâm người và ngoại cảnh dễ hòa hợp nhau. Người ta có thể hòa nhập với thiên nhiên dễ dàng. Tu sĩ đạo giáo thì an hưởng nhẹ nhàng với đạo, do đó giây phút định tâm giác tỉnh không khó khăn, có thể nhiếp tâm, chánh niệm lúc nào cũng được. Ngày nay thì vật chất cực thịnh, sinh hoạt quá văn minh đến nỗi thành rối bù phức tạp. Hoàn cảnh lại xung đột bất an, con người do vậy biến thành gắt gao xung kích. Với nghịch cảnh đảo điên ngày nay như thế, liệu con người có thể định tâm, nhập định như xưa? và việc chiến thắng nào đó có còn là việc dễ ?

Nếu người trẻ hiểu rằng chiến thắng những ham muốn bất chánh, những dục vọng đam mê dẫn đến phiền não là sự chiến thắng mang ý nghĩa cao đẹp, thì pháp môn niệm Phật là phương pháp lập được chiến công đó. Nếu người trẻ lại nghĩ phải có một kết quả an lạc thực tế ngay trong đời chớ không phải đợi đến một đời xa xôi sau khi chết, thì pháp niệm Phật vẫn là phương pháp thực tế có kết quả ngay trong đời hiện tại .

Để nhận xét quan điểm trên chúng ta thử nghĩ như vậy, cốt yếu của đạo Phật là đưa người về bản tâm giác thiện bằng mọi cách. Dù phương tiện hành động ra sao miễn hợp với chân lý, chặn đứng phiền não khơi dậy tánh giác là đạt được an lạc, hạnh phúc. Hành động theo căn bản học Phật là nhận biết ba nghiệp là đầu mối tạo ra nguyên nhân khổ đau. Ba nghiệp này là Thân, Khẩu, Ý chính ba nghiệp đó đã tạo ra mười nghiệp ác như: Thân thì sát sanh, trộm cắp, tà dâm, Khẩu thì nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều (nói hai bên), nói độc ác , Ý thì tham, giận, si mê. Ngược lại hoán chuyển được ba nghiệp, mười nghiệp ác sẽ trở thành mười nghiệp lành: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm v.v...

Người kiểm soát được ba nghiệp là người đã thắng được cuộc chiến thắng vẻ vang. Thực hành pháp tu niệm Phật là vũ khí tốt nhất ngăn chặn đánh đuổi kẻ thù tham vọng, si mê, độc ác ...

Khi ý nghĩ về danh hiệu Phật thì phiền não tham lam, sân hận, si mê không có cơ hội nổi lên; do ý tưởng niệm Phật đó, miệng liền thầm đọc lên danh hiệu Phật và vậy những lời dối gạt, xấu ác cũng không còn trên miệng. Vì ý và miệng đã hợp nhất nên thân không gây ra việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Thế thì đây là giây phút chiến thắng hoàn toàn vậy. Đã chiến thắng thì bao niềm an lạc, định tâm, trí tuệ là chiến lợi phẩm mà người niệm Phật vẻ vang chiếm được, do đó là kết quả an vui thực tế không phải hẹn đến tương lai gì cả .

Qua phần nhận xét trên, chúng ta thấy sự thật của việc niệm Phật không phải là sự cầu khẩn, quy lụy sợ sệt, van xin, mà là sự chiến đấu, dùng câu niệm Phật để diệt trừ phiền não. Hiểu như thế mới thấy niệm Phật là hành động đích thực có trí tuệ. Trong kinh Thập Nhị Phật Danh có dạy *“Nếu người trì danh hiệu Phật thì không sanh lòng yếu đuối sợ sệt, có được trí tuệ không quanh co dua nịnh, thường ở trước đức Phật (15).”*

Khi đã rõ như vậy thiết nghĩ cuộc chiến đấu (niệm Phật) diệt trừ phiền não đây nếu không nói là người trẻ thích hợp hơn !

Lại nghĩ thêm một việc, tuổi trẻ hãy nên cẩn trọng, không nên nhìn đời luôn là màu xanh, tuổi thanh xuân sẽ trẻ hoài với năm tháng. Hãy nhìn xem thời tiết đổi thay bốn mùa luân chuyển. Hoa trái mới kết nở đây rồi liền rụng đó, và con người cũng chẳng chạy khỏi định luật vô thường này. Nếu biết lợi dụng thân thể còn khỏe mạnh, trí tuệ còn minh mẫn, bỏ ra ít thời giờ gây trồng chủng tử niệm Phật thì sau này có về già định lực niệm Phật sẽ kiên cố vững vàng chừng đó việc nhắm mắt siêu thoát nắm chắc trong tay. Bằng để uổng phí luống qua thời trung trẻ, chạy theo trần cảnh giả mộng khi vô thường bất chợt cướp đi đời sống, chừng ấy thần thức bơ vơ lạc loài vô định hướng, phải chịu nghiệp tội dẫn đi vào cảnh tối tăm mịt mờ. Như may mắn trở lại cảnh người, lại có gì bảo đảm là mình khỏe mạnh, lành lặn, hiểu biết như hôm nay, còn gặp được Phật pháp thì có lẽ rất hiếm, bởi không gieo trồng nhân đời này thì đời sau có duyên đâu gặp được, cho dù sanh ra nhà ở sát cạnh chùa, đêm ngày nghe kinh kệ cũng chẳng hiểu chi.

Xét lại niệm Phật pháp môn không phải chỉ dành cho người già mà đúng lý của niệm Phật là phải niệm cho đến già cho đến mắt mới thành tựu vãng sanh được. Đợi đến già niệm Phật, việc thành tựu hẳn phải khó khăn hơn. Lý do vì cả cuộc đời trong quá khứ đã tích trữ chứa đựng những điên đảo nghiệp thức nên công phu bây giờ luôn bị khuấy trộn với hình ảnh xưa, tìm được một giây phút nhất tâm lắng đọng nào trong câu niệm Phật giống như đãi vàng được vàng vậy. Tuy nhiên nói thế để biết niệm Phật cũng ra công tự lực, và điều quan trọng hơn hết, khi nhận thức niệm Phật là tạo chủng tử lành, diệt chủng tử xấu ác thì phải thực hành ngay mới có lợi ích. Với tuổi trẻ, niệm Phật dự trừ trước cho tương lai là điều hợp lý, như người vừa được việc làm liền đầu tư vào tương mục tiết kiệm đến khi không còn làm việc được nữa cũng chẳng lo chi. Bằng đợi đến lúc sức kiệt, sắp về hưu mới đầu tư tiết kiệm thì có được mấy đồng. Cuối cùng để gợi ý cho người trẻ sớm quay về xin nhắc lại lời người xưa đã dạy:

Đừng hẹn tuổi già mà tu đạo.

Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh .

Niệm Phật Để Tìm Lại Chính Mình

Con người được sanh ra lớn lên, theo dòng đời nổi trôi chìm hụp. Mỗi mỗi người ôm mang một duyên nghiệp, tạo thành sự khẩn khít day dưa trả vay, vay trả. Dòng đời vẫn vô tình cứ trôi mãi chẳng đoái hoài, còn nghiệp thức vì xao động vô minh nên chạy theo từ lực của dòng đời đến hằng kiếp.

Trong dòng nghiệp lực đó, không ai biết đến mình đã bao lần sanh tử, tử sanh. Cũng vì muôn lần như vậy mà Phật có nhắc qua kiếp sống chết của chúng sanh như sau. *“Nếu có thể gom lại xương của một người trong vòng luân hồi, và nếu xương ấy còn nguyên vẹn, thì nó sẽ như một thạch trụ, một chồng, một đống khổng lồ bằng quả núi Vepulla (16).”* Còn nước mắt chúng sanh từ vô thỉ đến nay thì Phật ví nhiều như nước biển.

Cuộc tuần hoàn cứ vậy mà thiên thu bất tận càng tìm hiểu lại càng thương tủi cho thân phận của mình. Vì sao, thế nào lại phải vương mang khổ lụy luân hồi mãi! Và con đường sinh tử vậy không thể chấm dứt sao ?

Điều thắc mắc, nghi vấn đã được đức Phật giảng dạy rõ ràng cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ. Một khoảng thời gian khá lâu đủ để giựt mình nhìn lại ta mới vừa tỉnh thức. Phật dạy thế nào, ra sao đã được ghi lại trên hàng trăm ngàn trang giấy. Lời Phật tuy xa xưa nhưng vẫn mồn một rõ ràng như mới ngày hôm qua, như cách đây một giờ vài phút. Tâm thức chúng ta nếu sống dậy tức khắc sẽ không thấy đâu là thời gian của hơn hai ngàn năm trăm năm trước, hay không gian tịt mù bên xứ Ấn Độ. Nhưng vì mê mờ vô minh, xuôi thuận dòng đời, bám víu thế gian, tấm biển luân hồi, từ chối chân lý, nuôi dưỡng bản ngã, say ngủ vô thường... mà không gian đối với ta là vô tận, thời gian lại vô cùng. Gương ảnh tỏ trước mặt nhưng trọn đời ta vẫn không thấy. Lời Phật tụng đọc hằng ngày mà chẳng lọt vào tâm. Chắc có lẽ, bụi nghiệp vô minh quá dày khiến ta không còn nhìn thấy, nhận ra con người của ta nữa, nên cứ mãi nhẩy múa theo hình sắc, âm thanh vọng tình, tham ái. Đến khi kiệt sức là người mới thấy cuộc đời là giả, con người là mộng nhưng đã muộn rồi, vì mộng giả đã dệt thành nghiệp thức phải mang. Nay muốn quay về lau bụi vô minh, tìm ra hình giác, không biết có còn đủ sáng suốt nhận ra hình ảnh (tánh giác) ngày xưa của mình hay không? Hay lại không tin ảnh mình trong gương là ảnh thật, cũng

như kẻ cùng tử trong kinh Pháp Hoa (phẩm Tín Giải), không biết rằng chính mình là con của trưởng giả giàu có, mà cứ trốn chạy lánh xa chịu sống đời khổ lang thang.

Ôi vô minh là đầu mối, ôi tham ái tạo ra vô minh là nguyên nhân ngăn cản con đường tìm lại chính ta. Tìm lại chính mình là tìm về chân tâm vốn thanh tịnh của pháp thân Phật tánh của vẻ đẹp trang nghiêm thanh tịnh Như Lai, như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật bảo tôn giả A-Nan và Hoàng Hậu Vi Đề Hy rằng. *“Các đức Như Lai thân là pháp giới, nhập vào tâm tưởng của chúng sanh, thế nên các ông khi tâm tưởng Phật thì tâm tức là đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tâm này là Phật, các Phật là chánh kiến tri hải, từ tâm tưởng sanh ra...”* (17)

Theo lời Phật dạy, chúng ta thấy rằng tâm Phật đã sẵn có trong tâm chúng sanh, và khi tâm ta nghĩ niệm Phật thì tâm ta là Phật, mà tâm Phật là tâm vắng lặng sáng suốt không có nhiễm ô trần cảnh, ngược lại tâm chúng sanh đầy trần lao bụi cảnh. Nhưng bản lai chân tánh của ta trước khi bị nhiễm trần cũng đã thanh tịnh không khác. Như thế niệm Phật là tìm lại mình, tìm lại cái bản lai chân tánh hay cái nguyên thủy của Phật tánh vốn bị lu mờ do sự phân biệt vọng động của vọng tâm duyên trần, để phải nổi trôi mãi trong biển kiếp tuần hoàn của vô minh. Và giờ đây chúng ta đã thấy mỗi mỗi tâm niệm nhớ nghĩ về danh hiệu Phật là mỗi giờ phút sống với con người thật của chính chúng ta, mà một khi đã sống được như vậy, thì chúng ta đã thấy được ngọn hải đăng trong đêm tăm tối của biển đời chìm hụp.

Niệm Phật Trong Tạp Niệm

Người niệm Phật là người cất bước trên con đường về Cực Lạc. Không luận là niệm nhiều hay ít, tán tâm hay nhất tâm. Hễ có niệm Phật là có chủng tử Phật, không sớm thì muộn cũng về đất Phật. Tuy nhiên điều quan trọng nhất của niệm Phật là có lòng tin. Tin Phật Thích Ca không bao giờ nói dối. Tin Phật A Di Đà sẽ tiếp dẫn và tin mình sẽ được vãng sanh. Chỉ cần đủ niềm tin như vậy một cách vững vàng kiên cố thì bước đi đến Cực Lạc chắc chắn phải tới.

Niệm là cất bước đi, tin là phương tiện giúp cho việc đi mau tới. Riêng về tán tâm niệm Phật cũng đừng lo ngại chi cả, vì có ai lại biết được là mình nhất tâm, nếu biết mình đang nhất tâm niệm Phật thì cái biết này đã là tán tâm rồi. Cho nên có thể hiểu nhất tâm niệm Phật là giờ phút chót của đoạn đường đến Cực Lạc. Nhưng nói vậy không có nghĩa là ta không có được giây phút nhất tâm nào lúc đang niệm Phật. Dĩ nhiên là phải có, mà có đây cũng được xem như không, vì đã nói khi biết được nhất tâm là đã có sự động (biết) trong khi niệm Phật rồi. Thành ra có nhất tâm hay không điều này ta đừng lo ngại .

Cái lo ngại nhất của người niệm Phật là quên niệm Phật. Khi ta quên niệm Phật thì ngay lúc đó ta đã dừng lại bước đi tới hướng về Cực Lạc, mà đứng lại cũng còn may mắn chỉ sợ ta bị đẩy lùi nữa là khác. Người ta thường nói không tiến ắt phải lùi nghĩa là vậy. Những hình ảnh tư tưởng tham vọng, sân hận là sức đẩy xô ta lùi lại sau. Sức đẩy của chúng có thể mạnh hơn câu niệm Phật nếu ta niệm lơ là biếng trễ.

Chúng ta cũng đừng lo ngại rằng niệm Phật xen vào công việc giao tế sinh hoạt, ăn uống, vệ sinh là bất kính. Trong hoàn cảnh vậy, đây mới là sự niệm Phật chí thành tinh tấn, bởi đó chứng tỏ định lực nhớ ghi của ta đã vững vàng. Hơn nữa niệm Phật là niệm cái tánh giác Phật tánh của mình thì việc khắc ghi mãi tánh giác ấy vẫn hợp với Phật pháp. Và hẳn nhiên trong tình huống như thế không thể nào niệm ra tiếng được, mà chỉ nhớ ghi thôi. Nhớ rằng ta đang biết câu niệm Phật trong đầu đang tuôn chảy. Do vậy nếu có lo ngại là lo ta có thường nhớ câu niệm Phật hay không?

Với công việc lao động bằng tay chân thì còn dễ niệm, chớ việc làm tính toán nghĩ suy bằng trí óc hay vào những lúc hầu chuyện với người làm sao niệm được! Trường hợp như thế ta phải giải quyết hoàn tất công việc đó, nhưng cố gắng làm sao trở về với câu niệm Phật được lúc nào hay lúc đó. Đây không phải là điều gượng gạo phân tâm, khó xử mà là phương tiện luyện tâm niệm Phật vậy.

Trong cuộc sống hằng ngày tâm niệm của ta thường lăng xăng chạy theo muôn chuyện, đầu óc chẳng bao giờ muốn ngừng nghỉ, bởi vậy mỗi câu niệm Phật hay bị xen vào những tạp niệm. Nhưng thử nghĩ nếu ta không niệm ngay lúc này mà đợi đúng giờ đúng khắc trì kinh mới niệm thì làm sao định lực niệm

Phật có đủ sức để trừ khử tạp niệm ngày càng dung dưỡng trong ta. Chẳng nói gì ngoài giờ tụng kinh lễ Phật mà ngay luôn giờ phút trang nghiêm thanh tịnh trước bàn Phật tạp niệm vẫn tấn công vào. Việc này cho ta thấy, là ta đã quá xem thường tạp niệm, nên dễ duôi, tự do cho nó vào ra thoải mái. Hay đúng hơn là ta đã không thực tập niệm Phật ngay trong tạp niệm. Nếu ta thực sự không ngại gì niệm Phật trong lúc bận bịu, rộn ràng, lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, làm việc, tiếp chuyện v.v... mỗi mỗi giây phút niệm Phật, có mặt trong giờ phút vừa thức dậy đi vào cuộc sống, cho đến đặt lưng xuống ngủ, kể cả đến lúc nhắm mắt ngủ quên mới thôi, thì ta có lo gì tạp niệm nổi lên trong giờ phút trì kinh trước điện Phật.

Hay dù cho tạp niệm có móng lên trong lúc trang nghiêm đó, thì cũng chỉ tồn tại trong khoảnh khắc rồi sẽ biến mất đi. Bởi đó là do ta có thực tập, sẵn sàng ứng phó với tạp niệm, và vậy không còn lo lắng. Thế là ta trở về với lời kinh tiếng kệ một cách dễ dàng.

Chúng ta có thể đồng ý rằng còn sống là còn có tạp niệm. Vì tạp niệm là do duyên căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với cảnh trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) tạo ra bao hành động của thân và tâm. Bằng hình thức này, mức độ kia bất cứ người nào trong xã hội vẫn không trốn chạy được tạp niệm, tuy vậy chúng ta cũng thấy có tạp niệm con người mới có phân biệt điều tốt việc xấu, và như không có phân biệt, thì làm sao con người phát triển được những tư duy. Các vị Thánh, Tổ ban sơ cũng từ tạp niệm mà cuối cùng đi dần đến nhất niệm, cũng như mượn phương tiện trở về cứu cánh. Vậy thì niệm Phật trong tạp niệm vẫn là một việc rất quý, khó hành, hướng chi muốn có nhất niệm phải từ tạp niệm mà ra, chỉ sợ là, ta có niệm được trong lúc tạp niệm hay không! Hay suốt đời sống chìm trong tạp niệm.

Nói rõ lại con đường đi đến Cực Lạc trước sau gì cũng hiển lộ rõ ràng trước mắt người niệm Phật. Và phương tiện để đưa hành giả niệm Phật đến đích mau hay chậm, chắc chắn hay không là do sức niệm Phật của hành giả. Cuối cùng thì niệm Phật muốn được nhất tâm thì phải niệm ngay trong tạp niệm.

Ba Điều Quan Trọng Cho Việc Vãng Sanh

Con đường thành tựu của người tu pháp môn Tịnh Độ là được vãng sanh về thế giới Cực Lạc A Di Đà. Phương tiện để được vãng sanh là công phu tu niệm chí thành, tha thiết. Nhưng có được ý chí phấn đấu thực hành phương tiện đó, phải nhờ vào ba điều kiện tối quan trọng, đó là: **Tín, Nguyện, Hạnh**, thiếu vắng một trong ba điều này hành giả chỉ loay hoay trong vòng nhơn quả phước báo thế gian và cảnh Tây phương Cực Lạc vẫn còn hẹn lần mãi. Vậy đã tu niệm Phật thì phải gắn liền ba điều kiện trên. Trước tiên hành giả phải đặt lòng tin, rồi lập nguyện, sau cùng là thực hành.

Tín: niềm tin đầu tiên căn bản nhất là tin đức Phật Thích Ca nói ra pháp tu niệm Phật là một sự thật. Một sự thật như trăm ngàn sự thật khác. Nếu ở đời sống thường nhật, chúng ta đã tin bao nhiêu việc có thật do những tiền nhân đi trước nói lại, để lại thì việc tin lời Phật dạy còn phải mạnh mẽ hơn gấp trăm ngàn lần. Trong kinh Tiểu Địa Quán nói *“Như người không tay tuy đến bảo sơn (núi ngọc báu), trợn vụn không lấy được gì. Kẻ không có niềm tin, tuy gặp Tam Bảo cũng không được chi (18).”* Đó là lợi ích của niềm tin khi bước vào đạo, hướng chi người tu Tịnh độ lấy niềm tin làm gốc để được vãng sanh. Tuy vậy Phật cũng không dạy chúng ta chỉ có niềm tin suông, mà thiếu suy xét, *“Tin ta mà không hiểu ta, là phỉ báng ta”*.

Chúng ta lại có thể suy cứu tìm hiểu, qua giáo lý của Phật để lại, là một chứng minh điều Phật dạy bao giờ cũng là chân lý. Chẳng hạn Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Pháp Nhân Duyên, Nhân Quả Nghiệp Báo.v.v...và chẳng những giáo pháp ấy được xiển dương ca tụng bởi các hàng Phật tử con Phật như chúng ta mà ngay cả các vị ngoại đạo tôn giáo khác cũng thán khen ngợi đây là một chân lý muôn thuở. Xin trích ra lời của giáo sư Rhys Davids (1842 -1922) người Anh, chuyên về Đông phương học .Nguyên văn như sau: *“Buddhist or not Buddhist, I have examined every one of the great religious systems of the world, and in none of them have I found anything to surpass, in beauty and comprehensiveness, the Noble Eightfold Path and the Four Noble Truths of the Buddha. I am content to shape my life according to the path .”*

“Phật tử hay không Phật tử, tôi đã nghiên cứu đủ mọi hệ thống tư tưởng của mọi giáo phái vĩ đại trên thế giới và đã tìm thấy không một hệ thống nào, trên phương diện toàn mỹ cũng như về mạch lạc hiểu thấu có thể hơn được lời dạy

của đức Phật về Bát Chánh Đạo và Tứ Diệu Đế. Tôi thật hài lòng sống đời mình trong khuôn khổ đường lối dạy này (19).”

Hơn thế nữa cho dù nhân loại có tin hay không tin thì giáo pháp của Phật vẫn muôn đời là chân lý xảy ra trước mặt chúng ta. Thí dụ bốn điều khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Định luật giả lập của mọi vật: Thành, Trụ, Hoại, Không (sinh ra có mặt, tồn tại khoảng thời gian nào đó, thời kỳ hư hoại, tan nát biến mất đi).

Khi đã tin lời Phật dạy là muôn thuở sự thật, thì pháp tu niệm Phật do Phật nói ra hoàn toàn cũng sự thật. Cũng như cõi nước Cực Lạc Tây Phương, nơi đó đức Phật A Di Đà làm giáo chủ vẫn là điều thật có như bao nhiêu cõi Phật khác.

Tiếp theo niềm tin là tin lời nguyện của Phật A Di Đà; lời nguyện này cũng do đức Phật Thích Ca lập lại, và trong phần tin này lời nguyện của Phật A Di Đà trở nên vô cùng quan trọng mà chúng ta nhất định phải tin. Điều này quyết định việc nhất tâm niệm Phật hướng về sự tiếp dẫn của Phật A Di Đà. Chẳng hạn lời nguyện thứ mười chín của Ngài trong kiếp là Tỳ Kheo Pháp Tạng:

“Vị con được thành Phật, mười phương chúng-sinh, phát Bồ-đề tâm, tu các công đức, dốc lòng phát-nguyện, muốn sinh về cõi nước con, đến lúc mệnh chung, vị con chẳng cùng Đại-chúng vây quanh, hiện thân trước người đó, thời con không thành bậc chánh giác (20).”

Niềm tin tới đây đã là quyết chí rồi, tuy nhiên còn lại là tin vào bản thân ta có được tiếp độ hay không. Vì có một số người vẫn còn nghi ngờ khó được vãng sanh mặc dù có tín tâm đầy đủ. Trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy *“Ta quan sát tất cả chúng sanh ở trong các phiền não tham dục, sân hận, ngu si, đều có Phật trí, Phật nhãn, Phật thân nghiêm nhiên bất động. Nay thiện nam tử, tất cả chúng sanh ở trong phiền não, có Như Lai tạng thường lành không ô nhiễm đức tướng đầy đủ cùng với ta không khác...(21)”* Qua lời dạy trên chúng ta đã hiểu, tâm chúng sanh là tâm Phật, nhưng vì bị vô minh che lấp, khó lắng động trở về với Phật tánh chân như. Nếu như thành tâm tín niệm thì Phật tánh sẽ hiển lộ nơi tâm liền đó cảm ứng với tâm Phật, và như thế lo gì đức Phật A Di Đà không cảm ứng được ta chẳng!

Nguyện: người tu Tịnh Độ khi đã có tín tâm kiên cố rồi, thì phải phát nguyện. Nguyện là động lực duy trì niềm tin vững chắc hơn. Không có nguyện, niềm tin

không đưa đến việc thành tựu công đức, cũng như trong sinh hoạt đời sống, người nào có chí nguyện với nghề nghiệp tương lai thì người đó trước sau gì nhất định phải thành công. Nguyện của người tu niệm Phật là được Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc vừa sau khi bỏ thân mạng này. Tâm nguyện như thế phải luôn luôn khắc ghi bên mình. Mỗi khi niệm Phật hay trì kinh, hoặc làm công việc gì công đức, liền hồi hướng nguyện lấy công đức đó mà sanh về Cực Lạc. Khi phát nguyện lại phải thành kính tha thiết. Nguyện lực có được cảm ứng và thành tựu phần lớn do sự chí tâm mà ra.

Để tạo nguyện lực kiên cố hơn mãi, chúng ta nên nghĩ về cái khổ ở cõi Ta Bà và cái vui nơi Cực Lạc. Rồi lại nghĩ vì muốn cứu độ mọi người ra khỏi biển khổ nên cầu sanh Cực Lạc đặc pháp vô sanh để trở lại Ta Bà cứu độ chúng sanh. Nguyện được như vậy mãi mãi thì chắc chắn ngày về Cực Lạc sẽ không còn xa với người tu Tịnh Độ.

Hạnh: Đã có niềm tin, đã phát lời nguyện phần còn lại là phải thực hành. Hành trì niệm Phật là phần tối yếu không thể thiếu của người tu Tịnh Độ. Bởi vì dù có tin mức nào, nguyện thế chi mà không hành trì thì hóa ra lời tin suông nguyện rỗng. Giống như kẻ đi thuyền gặp nạn nước vào thuyền sắp đắm, kẻ ấy tin rõ như vậy, rồi chỉ cầu nguyện mà không ra công tát nước, cứu chữa, trong khi dụng cụ cứu chữa sẵn có trong thuyền.

Hành trì niệm Phật lại phải gia công chuyên cần tinh tấn, hể tín, nguyện thế nào thì hành trì tha thiết theo thế đó. Cũng không chỉ nhất thời dũng mãnh phát tâm niệm Phật vài tuần, đôi tháng cho đến vài năm rồi có thể nghĩ rằng đủ công đức vãng sanh Cực Lạc, mà phải thực hành niệm Phật luôn luôn, phải nên xem như món ăn tinh thần trong đời sống. Trong kinh A Di Đà có dạy *“không thể dùng nhân duyên thiện căn phước đức ít mà có thể vãng sanh về nước Tịnh Độ kia ...”* Thế nên phải niệm cho đến trọn đời may ra mới có đủ thiện căn phước đức. Tuy nhiên người niệm Phật cũng cần vun bồi thêm công đức như bố thí, trì giới để trợ lực phần niệm Phật được đầy đủ thiện căn cho việc vãng sanh được chắc chắn .

Nói tóm lại ba điều kiện là ba tư lương với người niệm Phật, thiếu một trong ba điều này việc vãng sanh hẳn khó thành. Do đó người tu pháp môn Tịnh Độ nên nắm vững, như thế kết quả vãng sanh sẽ đến một cách tốt đẹp.

Hương Thơm Niệm Phật

Đạo Phật ví như đóa hoa ngát thơm, ai ai cũng có thể ngửi được mùi thơm đó. Không phải vì là tu sĩ mà mùi hương đó tăng hay là cư sĩ Phật tử mùi hương đó giảm. Hễ bất cứ người nào thực hành được giáo pháp của Phật thì người đó hưởng trọn được hương thơm. Ngược lại cho dù là tu sĩ, nếu không sống và thực hành theo giáo pháp, vẫn không được chi cả .

Hương thơm ở đây là sự giải thoát mọi ràng buộc là hạnh phúc an lạc trong tâm hồn... Muốn được thọ nhận hương thơm ấy, người ta phải tự vun trồng, tạo dựng. Nhưng trong cuộc sống rộn ràng, náo nhiệt của phố thị xa hoa, làm sao tìm được an lạc thanh thoi trong tâm hồn? Nghĩa là làm sao nhận được mùi hương?

Bản chất của hương vô tự, tự tại không phân biệt không gian, hoàn cảnh. Có vun trồng được thân cây thì hoa sẽ nở, mà hoa nở thì hương có .

Nơi đời sống ồn ào, náo nhiệt, tâm tư an lành của chúng ta vẫn có, nhưng có rất ít, chớ không phải không có. Nếu nói hoàn toàn không có an lạc thì làm sao ta sống nổi khi phải luôn luôn đối diện với mọi trần lao nghịch cảnh; và làm sao mọi người chung quanh ta chịu đựng được khi tâm tư, đầu óc ta toàn chứa những phiền não giận thù.

Tâm tư con người không khác mặt đại dương, lúc thì im lặng như mặt hồ, lúc thì ầm ầm nổi sóng. Tuy thế không phải là không có nguyên nhân. Gió đứng thì nước yên, gió thổi thì nước động. Hiểu được nguyên nhân, nhận ra hậu quả ta sẽ có được phương pháp giảm trừ, hóa giải. Ta vẫn sống và sinh hoạt bình thường, nhưng tâm hồn, tư tưởng ta nên đặt vào một định hướng. Hướng ấy là cách sống phù hợp với lẽ sống, không hại người hại vật. Không gây chia rẽ mọi người không buông lung phóng đảng và luôn luôn yêu thương tất cả.

Để hướng đi tạo dựng bông hoa tươi đẹp, trở nên bất diệt, ta cần tìm hiểu vun trồng thêm bông hoa tuệ giác của vườn hoa giác ngộ Phật Đà. Vườn hoa giác ngộ kia không phải mất công tìm kiếm ở nơi nào xa xôi, mà

ngay ở đây, ở chính nơi ta, ở chỗ gần nhất của tâm hồn, của con tim từ bi, của tấm lòng mãi tiếp.

Ta sống ở cõi Ta Bà này tuy là cõi trược mà vẫn tạo được cho chính mình một nụ hoa thơm, đó là do biết áp dụng đúng vào giáo lý Phật Đà. Tuy vậy chúng ta cũng cần bồi đắp mãi nụ hoa thơm đó, để làm nhân cho đóa hoa tuyệt diệu và bất diệt trong tương lai.

Phương pháp gieo trồng nhân duyên cho đóa hoa bất diệt có rất nhiều, mà pháp dễ hành nhất trong thế giới ngày nay Phật dạy là pháp niệm lại tánh giác của mình. Niệm lại tánh giác nghĩa là niệm Phật.

Niệm Phật là tạo thêm vườn hoa đẹp trong vườn hoa đã sẵn có của mình. Nếu ai đó trong đời chưa từng tạo cho mình một hương hoa thơm nào, thì ngay bây giờ hãy nên niệm tánh giác của mình để kịp làm nhân cho vườn hoa hiện tại và tương lai. Và nếu có ai đã lỡ tạo nhân hoa không lành, hương hoa không tịnh thì lại càng nên sớm mau khơi dậy tánh giác, trồng niệm hoa thơm để hương hoa tinh khiết phủ trùm hương bất tịnh và biến tất cả hương hoa trong vườn thành hương hoa thanh tịnh giải thoát, như trong kinh Quán Phật Tam Muội, Phật dạy về công đức và công năng của niệm Phật như sau: Vua Tịnh Phạn bạch Phật, người gắng công niệm Phật thì trạng thái như thế nào? Phật đáp phụ vương rằng *“Như rừng Y – Lan vương bốn mươi do tuần, có một cây Ngưu-Đầu- Chiên Đàn, tuy có rễ mầm, nhưng chưa mọc ra khỏi mặt đất, rừng Y- Lan kia chỉ có mùi thúí mà không có mùi thơm. Nếu có người nhai nuốt hoa trái của cây kia thì phát điên cuồng mà chết. Sau đó mầm rễ cây Chiên-Đàn từ từ sanh trưởng rồi thành cây, hương thơm bát ngát, biến cả được không khí rừng Y- Lan này trở nên hương sắc thơm đẹp, mọi người thấy đó liền sanh tâm hoan hỷ hy hữu...”*

Phật lại nói với phụ vương rằng: *“Tất cả chúng sanh ở trong sanh tử, có lòng niệm Phật cũng lại như vậy. Chỉ khéo hay gìn giữ tâm không dừng nghĩ, nhất định sanh trước Phật; quyết được vắng sanh, tức là có thể cải biến tất cả điều ác, sanh đặng từ bi. Như cây thơm kia có thể cải biến cả vườn Y- Lan vậy (22).”*

Phật dạy như thế chúng ta rõ thêm rằng, mỗi người chúng ta ai ai cũng sẵn có một vườn hoa và cũng có thể biến tạo cho mình một vườn hoa thuần mùi

hương giải thoát. Và sự bồi đắp cho vườn hoa thanh tịnh đó không gì dễ hơn là niệm lại tánh giác gieo trồng hương niệm Phật vậy.

Nhân Duyên Lớn

Pháp môn niệm Phật được mọi người cho là pháp môn bình dân, dễ dãi. Vì pháp tu không đòi hỏi hành giả một điều kiện gì khó khăn so với nhiều pháp tu khác như Thiền, Luật, Mật tông ... hành giả phải tối thiểu có sự hiểu biết căn bản về giáo lý và căn cơ sáng suốt. Nhưng kỳ thật pháp tu niệm Phật lại có công năng thu nạp tất cả mọi hạng người để giúp họ đạt đến mục tiêu giải thoát mau nhất mà không một pháp tu bác học nào có thể làm được. Với một pháp tu có tánh cách phổ cập rộng rãi chắc chắn như vậy, có lẽ phải gọi là pháp tu lạ lùng hiếm có nhất. Cũng vì thế mà đức Phật Thích Ca mới dạy, đây là pháp tu khó tin (*nan tín chi pháp*).

Nhân duyên Phật nói ra pháp tu này cũng chẳng ai biết, cũng chẳng ai hiểu nổi, mặc dù hàng đệ tử của Phật đa số đắc quả A La Hán một trong quả chứng cao nhất của bốn thánh quả (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán).

Kinh kể rằng trước khi nói ra pháp tu này, dung mạo của Phật bỗng nhiên đổi lạ, vô cùng trang nghiêm, thanh thoát. Cùng lúc đó A Nan vị thị giả của Phật mới thưa hỏi nguyên nhân, thế là Phật bắt đầu nói về Pháp môn Tịnh Độ .

Lại khi nói về thế giới Cực Lạc, đức Phật đã chọn Ngài Xá Lợi Phất làm đối tượng người nghe để Phật trình bày lược kể, việc làm này có thể đức Phật muốn phá vỡ sự nghi ngờ không tin của hàng đệ tử sau này. Bởi vì Ngài Xá Lợi Phất nổi tiếng là trí tuệ bậc nhất mà còn tin nhận, thì điều Phật nói ra phải là như thật.

Pháp tu Tịnh Độ Phật dạy theo phương pháp giản dị nhất, chỉ cần niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, cộng với niềm tin, nguyện được vãng sanh, thì sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc. Tuy nhiên cũng vì quá dễ như vậy nên nhiều người đã xem thường và từ việc xem thường đã bỏ lỡ một pháp môn hiếm có.

Người ta đã quên rằng mục đích của Phật ra đời là đưa con người về bến giác, thoát ly sinh tử luân hồi. Phật sở dĩ thuyết giảng đủ mọi phương tiện pháp môn không ngoài mục đích đó, và pháp môn khó dễ gì cũng chỉ giải quyết vấn đề sinh tử mà thôi. Vậy thì việc Phật nói ra pháp tu niệm Phật khó tin này hẳn phải là một lòng từ bi vô lượng, muốn cho chúng sanh mau được giải thoát, vì dù biết nói ra khó được người tin mà Ngài vẫn nói. Cho nên trong kinh A Di Đà có đoạn nói về chư Phật sáu phương khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Thích Ca, ” Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm những việc hiếm có và rất khó, Ngài ở trong cõi nước Ta Bà thuộc về đời có năm thứ ác trược như kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mệnh trược, mà Ngài chứng được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Được đạo quả rồi, Ngài vì các chúng sanh nói ra giáo pháp mà hết thấy thế gian khó tin này.”

Chúng ta cũng nên biết rằng mọi việc làm của Phật đều hợp với căn cơ, hoàn cảnh chúng sanh, và Phật nói pháp môn khó tin, chắc chắn phải là việc nhìn xa cho chúng sanh trong thời mạt pháp. Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật có dạy “...kịp đến mai sau, kinh đạo tiêu diệt hết, ta đem lòng thương xót, chỉ để lưu kinh này (kinh nói về niệm Phật vãng sanh Cực Lạc) ở lại đời trăm năm. Nếu có chúng sanh nào, mà gặp được kinh này, tùy theo chỗ ý muốn đều có thể được độ (23).” Do đây ta có thể thấy cái nhìn lo xa của đức Phật.

Khi biết thật sự là một pháp môn khó tin, thì cũng nên biết người tin được, rồi thực hành theo phải là người có nhân duyên lớn. Nếu có người e ngại nói rằng, chỉ có tin và hành theo thì dễ quá đâu đáng gì phải nói là nhân duyên lớn ! Vậy xin hãy xem chính các bậc đại Bồ Tát như Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền, Thế Chí ... còn tin và hành theo; như lời nguyện của Ngài Phổ Hiền:

*“Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung
Trừ hết tất cả các chướng ngại
Tận mắt gặp Phật A Di Đà
Liền được vãng sanh cõi Cực Lạc (24)“*

Đó là các vị Bồ Tát, riêng nói về các vị Tổ sau này gần gũi hơn, trong quyển “Pháp Môn Giải Thoát” Hoà Thượng Thiện Hoa có viết trong phần “Con đường tu thứ hai (Tịnh độ tôn) trong mười tôn”. “Các vị Tổ ở các tôn khác, mặc dù

hoằng truyền tôn mình, nhưng vẫn tu Tịnh độ. Như Ngài Thiên Thân, tổ của Duy thức tôn; Ngài Trí Giả đại sư, tổ của Thiên Thai tôn; Ngài Hiền Thủ, tổ của Hoa Nghiêm tôn; Ngài Nguyên Chiếu luật sư, tổ của Luật tôn; Ngài Mã Minh, Long Thọ, tổ của Thiên tôn.v.v... cũng đều thực hành pháp môn Tịnh độ...(25)”

Như thế chúng ta thấy các vị Bồ Tát các vị Tổ mà còn cầu vãng sanh, thì huống gì chúng ta, những phàm nhân đầy vô minh phiền não!

Đã nhận ra mình có nhân duyên lớn, việc tiếp theo là sống và thực hành theo pháp tu đó. Vì dù tin và khen ngợi thế nào, mà không thực hành theo thì vẫn chưa được gọi là có nhân duyên. Điều này đơn giản là tu theo Phật phải thực hành chứ không nói suông. Thế thì ta có thể nói rằng pháp tu có cao thấp, bình dân hay bác học chỉ thành lợi ích khi ta thật sự thực hành tu học .

Niệm Phật Hiểu Theo 37 Phẩm Trợ Đạo

Trong giáo lý đạo Phật, 37 phẩm trợ đạo là thành phần rất ráo nhất giúp hành giả đoạn diệt mọi tham chấp phiền não, vô minh. Thành phần này là con đường chính trong Tứ Diệu Đế mà được biết là đạo đế; 37 phẩm trợ đạo được chia ra như:

- **Tứ Niệm Xứ**
- **Tứ Chánh Cần**
- **Tứ Như Ý Túc**
- **Ngũ Căn**
- **Ngũ Lực**
- **Thất Bồ Đề Phần**
- **Bát Chánh Đạo**

Đối với pháp môn Tịnh Độ, 37 phẩm trợ đạo lại được xem là phương tiện trợ duyên tác động thêm năng lực cho người niệm Phật. Vì tu niệm Phật phải có đủ ba tư lương là Tín, Nguyện, Hạnh và để có được tín tâm vững chắc làm nền tảng cho Nguyện và Hạnh hẳn phải thông hiểu phần nào thành phần 37 phẩm trợ đạo làm căn bản trên đường tu niệm.

Sau đây xin đi vào từng thành phần một, trong cái hiểu đại cương của người niệm Phật.

1) Niệm Phật với Tứ Niệm Xứ

Tứ Niệm Xứ được đức Phật dạy là pháp môn quan trọng, giúp hành giả quán xét được tính chất của kiếp sống con người về thân và tâm.

Nghĩa của Tứ Niệm Xứ là bốn điều ghi nhớ, quan sát hay còn gọi là bốn lãnh vực cần ghi nhận.

Bốn điều ấy là:

- Quán thân bất tịnh**
- Quán tâm vô thường**
- Quán pháp vô ngã**
- Quán thọ thị khổ**

a) Quán thân bất tịnh để đừng quên niệm Phật

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật có giảng cho các hàng đệ tử nghe về y báo và chánh báo ở cõi Cực Lạc. Nói về chánh báo là hình tướng thân thể của các bậc thượng nhân, tất cả đều được hóa sanh từ ao sen thất bảo, đầy đủ cả ba mươi hai tướng tốt, thân tâm thường nhu nhuyễn thanh tịnh. Lại theo lời nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng tức tiền thân của Phật A Di Đà trong quá khứ: *“Vị con được thành Phật, các Bồ Tát trong cõi nước con nếu chẳng được thân kim cương Na La Diên, thì con không thành bậc chánh giác (26).”* Nay thì Ngài đã thành Phật tính hơn đã mười kiếp theo trong kinh A Di Đà. Vậy điều nguyện của Ngài đều đã thành tựu và tất cả là sự thật.

Sắc thân kim cương, trang nghiêm thanh tịnh như thế hẳn phải khác rất nhiều so với thân thể con người ở cõi Ta Bà được kết tinh bằng tinh huyết của cha mẹ tạo thành. Như thế suy ra được thân thanh tịnh vậy là do phước báo, phát sanh từ sự tu hành, thanh lọc ba nghiệp thân khẩu ý.

Chúng ta mang xác thân máu mủ này là cũng do phước báo, nghiệp báo mà ra. Nghiệp báo có thiện có ác, nghiệp thiện là sự may mắn ta vẫn còn mang được thân người, vì trong lục đạo (thiên, nhơn, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) thân người khó được, mà nay ta đã được. Nghiệp ác là ta đã vụng tu trong muôn kiếp, để phải trôi nổi mãi cho đến nay mới thức tỉnh nhận ra thân người là khổ là ô uế.

Vậy để tìm phương pháp xa lìa thân bất tịnh này, ta hãy nghĩ về thân kim cương, thanh tịnh của các vị thượng thiện nhơn ở cõi Cực Lạc. Nghĩ mong được như thế chỉ có cách là phải sanh về nước đó, và con đường về Cực Lạc đã được đức Phật Thích Ca chỉ bày; lại có đấng từ phụ A Di Đà đang đưa tay đón nhận, chúng ta chỉ việc cất bước đi thôi.

Trì danh niệm Phật, thật tướng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật... là phương tiện vận chuyển cho chúng ta sanh về đất Phật.

Đối với pháp quán thân bất tịnh ai cũng thấy hiểu, rõ ràng thân người chứa đựng cả một túi đồ dơ ghê tởm. Chính sự nhận ra việc thân bất tịnh này mà nên nhàm chán cầu cho được thân thể bằng chất kim cương trong sáng. Để được như vậy phải nhiếp tâm niệm Phật, quán chiếu về thân thể. Quán chiếu để thấy rằng thời kỳ hư hoại, bệnh chết của thân đang dần dần phát triển trong thân thể, và nay mai đây một điều chắc chắn thân ta sẽ bệnh, sẽ chết, sẽ sinh uơn, hôi thối, ghê tởm không ai dám nhìn.

Quán sát nhận hiểu được như vậy, câu niệm Phật của ta mới phát được định lực. Mỗi khi thân di động, đi, đứng, nằm, ngồi ta đều rõ biết. Rồi lấy câu niệm Phật để giữ gìn mỗi động tác, khiến cho thân đi trong câu niệm Phật, đứng trong câu niệm Phật, nằm trong câu niệm Phật, ngồi trong câu niệm Phật. Niệm một câu Phật ta nhận ra rằng thân này là bất tịnh. Niệm hai câu Phật ta hiểu được rằng thân này là một đày đưng đồ dơ, và càng niệm nhiều câu Phật, ta càng thấy rõ cái thân sống này toàn là thứ ô trược không có gì đáng ưa muốn.

Khi thấy lẽ thật đó rồi, ta càng chí tâm niệm Phật mạnh hơn nữa để cầu mong đạt được thân kim cương bất hoại.

Lòng chí thành tha thiết đó tạo cho việc định tâm, nhiếp niệm thêm vững vàng. Bây giờ ta chỉ còn một niệm ở vào câu Phật cho đến bất loạn. Nhờ vậy thân tâm ta sẽ đi vào câu niệm Phật một cách nhẹ nhàng nhất tâm.

b) Quán tâm vô thường để tinh tấn niệm Phật

Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay vì ôm chấp cái giả dối, hư vọng của muôn sự muôn vật. Xem tâm này là thật có, là bất diệt... Vì sự ngoan cố bám chặt cho tâm là thật là trường tồn, trường cửu. Từ đây sinh ra bảo thủ, chấp chặt sở kiến của mình, rồi phân biệt mọi người đều có tâm riêng biệt không thể hoán chuyển được. Do đó tạo ra muôn nghiệp. Nghiệp quá khứ chưa trả hết, nghiệp hiện tại lại chất chồng rồi tiếp tục làm nhân cho nghiệp tương lai. Cứ thế mà trôi lăn không sao thoát ra được vòng kiềm tỏa của sinh tử.

Để phá vỡ sự mê lầm vọng chấp về tâm là thật có, Phật dạy về phép quán tâm vô thường. Hiểu tâm vô thường để thấy rằng tâm con người ta luôn luôn chuyển dời, biến đổi tạo ra không biết bao tư tưởng sai biệt. Nay nghĩ này mai nghĩ khác. Khi gặp cảnh đẹp việc vui tâm sanh mừng ham thích. Gặp cảnh xấu việc buồn tâm buồn giận, sầu lo. Trong một ngày tâm khởi động không biết bao nhiêu lần cứ lảng xăng, rộn ràng như khi gặp rừng cây, như ngựa sầy cương trên đồng trống. Kim hãm được sự giao động, nhộn nhịp của tâm là việc rất khó. Cũng vậy mà trong kinh Mạ Ý dạy rằng: *“Làm trăm ngôi chùa Phật không bằng làm sống một người. Làm sống người trong mười phương thiên hạ không bằng gìn giữ tâm ý một ngày (27).”*

Nay muốn dừng lại cái tâm lảng xăng, vô thường ấy ta phải tìm về cái chân tâm, thực tại. Dùng câu niệm Phật để nhiếp phục những giao động của vọng tâm, gột sạch những vọng tưởng điên đảo mà từ lâu nay đã dung dưỡng trong tâm, tự cho cái ta này là thật có, lại nghĩ rằng mọi người đều có một số mạng an bày...

Khi chí tâm niệm Phật, ta sẽ ngừng lại nhịp đập của vọng tâm, cùng theo đó những ác tâm trong ta sẽ mờ dần cho đến khi mất hẳn. Bây giờ trong tâm ta chỉ còn câu niệm Phật. Vậy thì dùng câu niệm Phật chẳng những gạt bỏ được việc điên đảo vọng tưởng của tâm mà còn huân tập vào tâm thức chủng tử Phật.

Như thế quán tâm vô thường để tự dứt trừ tri chướng chấp vào bản ngã là trường tồn, và rồi sẽ quay về với bản tâm chân thật bằng sự nhiếp niệm vào hồng danh Phật. Cuối cùng hòa nhập vào tự tánh chơn thường không sanh không diệt như đi vào tâm Phật.

c) Quán pháp vô ngã để nhiếp tâm niệm Phật

Pháp được hiểu là mọi sự mọi vật, những gì có hình tướng, tên gọi hay cả những việc không nhìn thấy được, sờ mó được mà chỉ nhận thức bằng tư duy, tất cả cũng đều gọi là pháp.

Con người chúng ta sở dĩ có vui buồn, thương ghét, yêu, giận... là do sự nhận thức sai lầm về các pháp. Nhìn nhận pháp thật có là nguyên nhân tạo ra phiền não, bởi phải sống chết với sự mất còn của chúng.

Thử nhìn xem cõi Tà Bà này mọi vật đều ở trong vòng tương đối, giả tạm, vô thường. Tất cả đều nương nhau để hình thành, tồn tại nhưng rồi cũng phải tan vỡ để tiếp tục tồn tại bằng dạng thức khác cứ như vậy mãi đến vô cùng. Tìm đâu thấy sự vật, sự việc nào là thật có, khi chúng phải trải qua bốn thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không (sanh ra, có được, tồn tại thời gian nào đó, thời kỳ hư hại, tan rã mất đi) .

Ngày xưa khi Ngài Xá Lợi Phất còn là ngoại đạo, chỉ nghe qua câu nói của Tỷ Kheo A Thị Thuyết lập lại từ lời dạy của đức Phật “Các pháp do nhân duyên sinh, và cũng lại do nhân duyên diệt” mà giác ngộ tức thời. Phải chăng câu nói ấy quá đầy đủ để không còn gì biện minh cho cái giả dối của các pháp.

Luận Trí Độ cũng đã nói “Các pháp từ nhân duyên sinh, không có bản tánh, không có tự tánh nên rốt ráo là không. Đã rốt ráo là không, thì các căn bản từ xưa đến nay là không, đó chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm (28).”

Vậy thì xưa nay vì không hiểu các pháp, hay nói rõ là mọi sự, mọi vật là giả cho nên chúng ta phải đau khổ khi bị lệ thuộc với chúng quá nhiều. Nói một cách sâu hơn nữa, ngay chính giáo pháp chúng ta học đây cũng không là tuyệt đối. Vì Phật đã dạy hãy xem như chiếc bè đưa qua sông, hãy xem như ngón tay

chỉ mặt trăng. Chỉ khi qua đặng sông mới là thật, cũng như nhìn mặt trăng mới là tự tánh.

Nhận được cái giả của pháp rồi, chúng ta sẽ không còn kẹt nhiều vào sự đối đãi, và khi thực hành một việc nào, ta vẫn xem đó là phương tiện để đạt đến cứu cánh thanh tịnh.

Với công phu niệm Phật dựa vào tướng pháp vô ngã, ta sẽ dễ định tâm, không còn phải lo lắng quan tâm đến những vọng động, lăng xăng nhảy múa trong tâm tưởng xen vào câu niệm Phật hay những ngoại cảnh âm thanh khuấy động, rộn ràng lấn át đi tiếng niệm Phật. Từ đó công phu niệm Phật dễ dẫn đến nhiếp tâm hơn.

d) Quán thọ thị khổ để tha thiết niệm Phật hơn

Chân lý của khổ đến từ nguyên nhân thọ mạng này. Hễ có thân là có khổ, vì khổ do sự thọ nhận của thân. Dù là một niềm vui một điều hạnh phúc, một việc dễ chịu cũng vẫn là khổ. Bởi vì sự vui, hạnh phúc, dễ chịu kia không thể kéo dài lâu được. Nên khi mất đi sẽ để lại đau khổ. Nói đúng ra ngay trong lúc vui đã ngầm ngầm có mặt sự khổ trong đó.

Trong kinh Tương Ưng Bộ III, Phẩm Gánh Nặng Phật dạy “*Này các Tỳ kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thọ uẩn, thọ thọ uẩn, tưởng thọ uẩn, hành thọ uẩn, thức thọ uẩn. Này các Tỳ kheo, đây gọi là gánh nặng (29).*”

Việc thọ nhận lớn nhất là mang thân này, mà đức Phật đã dạy là một gánh nặng. Chính gánh nặng này đã làm xao động tâm tư gây ra bao xung đột trong tâm thức.

Vậy quán thọ thị khổ cho chúng ta hiểu rằng, sự khổ đến từ sự thọ lãnh, thọ nhận. Việc thọ nhận thân ngũ ấm đã đành là khổ rồi, chúng ta còn lãnh thọ biết bao sự việc chung quanh, chẳng hạn của cải, địa vị, công danh...những lãnh thọ này làm cho gánh nặng của ta vốn đã nặng lại càng thêm nặng.

Người thực hành pháp niệm Phật, dùng câu niệm Phật làm hành trang, mà không phải mang theo những gánh nặng của trần cảnh Ta Bà. Lại quán tưởng

đến cảnh giới Cực Lạc trang nghiêm, nơi ấy không có sự lãnh thọ, thọ nhận những gánh nặng ô trược ở cõi Ta Bà nơi ta đang ở. Quán tưởng và niệm Phật luôn luôn để gánh nặng trong ta, ngoài ta được nhẹ nhàng thanh tịnh. Thực hành được như vậy sẽ thấy an vui trong câu niệm Phật như lời Phật dạy tiếp theo: Phẩm Gánh Nặng “*Này các Tỳ Kheo thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỳ Kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống (30).*” Do đó quán thọ thị khổ để thức tỉnh diệt đi sự tham muốn, là làm vơi đi gánh nặng của kiếp người như Phật đã dạy. Và ở đây câu niệm Phật lại là hành trang thay thế tất cả để hướng về một thế giới thanh tịnh trang nghiêm hơn.

2) Niệm Phật với Tứ Chánh Cần

Tứ Chánh Cần là bốn phương pháp siêng năng bỏ ác, làm lành đúng theo chánh pháp. Bốn pháp ấy là:

- Siêng năng ngăn chặn điều xấu ác chưa phát sanh
- Siêng năng dứt trừ điều xấu ác đã phát sanh
- Siêng năng làm phát sanh những điều tốt chưa phát sanh
- Siêng năng tiếp tục làm phát sanh các điều lành đã phát sanh

a) Niệm Phật ngăn chặn điều xấu ác chưa phát sanh

Tâm ý con người hằng ngày trong đời sống thường hay bị vọng động, vì luôn phải đối diện mọi lo toan, mưu cầu cho cái sống. Từ cái lo lắng này, chúng ta đã ít nhiều chứng kiến hay kinh nghiệm bản thân qua những phiền não trong đời. Tác ý phiền não đó, len lỏi vào trong tâm tư, tư tưởng tạo thành một hòm chứa đầy toan tính, lo liệu. Tuy nhiên cũng có ý niệm tốt lẫn lộn trong ý niệm xấu. Dữ kiện rồi ren đó chỉ chờ thời cơ hay được phép, tức thời sẽ bộc phát. Do vậy càng chứa nhiều toan tính trong đầu, sự bộc phát càng có dịp nảy nở ra. Nhưng chứa đựng nhiều tư tưởng, ý nghĩ đẹp lành thì tốt, ngược lại nguy hiểm vô cùng.

Chúng ta hay nghĩ rằng, đây chỉ là một ý niệm xấu thoáng dấy lên đầu, có chi mà lo sợ! Điều này không đơn giản như vậy. Vì nếu để ý niệm kia nằm mãi trong đầu thì một lúc nào đó chắc chắn sẽ bộc phát và biến thành hành động.

Nhìn xem trong cuộc sống, chẳng có gì xảy ra mà tự nhiên cả. Mọi việc đều có thời có lúc, có nguyên nhân. Chẳng hạn nhà văn sĩ muốn viết một tác phẩm, trước hết nhà văn phải bắt đầu có manh nha, nhen nhúm trong đầu những hình ảnh mình cố đặt ra. Rồi cố nuôi giữ mãi cho đến khi chín muồi để bày tỏ lên trang giấy .

Như thế ở điều đầu tiên trong bốn phép Chánh Cần chúng ta phải cố gắng làm sao ngăn chặn những ý niệm xấu ác vừa mới tượng hình trong đầu hay điều sai lầm tội lỗi nào mà trước đây ta chưa bao giờ phạm, lại cố gắng diệt trừ ngay khi nó vừa chớm nở.

Với người thực hành pháp niệm Phật, thì danh hiệu Phật là phương tiện ngăn chặn ý tưởng bất thiện. Cố làm sao câu niệm Phật tuôn chảy mãi như nước trong nguồn không đứt đoạn, như vậy mảng đá xấu ác sẽ bị xoáy mòn, không có cơ hội tồn tại.

Ta cũng nên hiểu quan niệm ác theo căn bản đạo Phật không chỉ là hành động đánh đập giết chóc... mà ác chính ngay ở ba độc Tham, Sân, Si. Từ ba độc này tạo ra nghiệp tội.

Một lời nói, một sự im lặng cũng có thể là thiện và cũng có thể là ác. Nói lời đâm thọc, chỉ trích khiến người phải đau khổ dẫn đến quyên sinh. Im lặng không phản ứng, thông cảm, chia sẻ như trách cứ, trút hết nỗi thống khổ lên đầu người cũng đưa đến sự bức tử, chết oan... Do đây việc ác cũng có thể xảy ra từ một hành động xem rất thường như vừa kể. Thế nên dùng câu Phật hiệu để chế ngự ba độc, thanh lọc tư tưởng diệt đi xấu ác đang ngấm ngầm nảy sinh trong ta.

b) Niệm Phật dứt trừ điều xấu ác đã phát sanh

Đã là người ai cũng có lỗi, và ít nhiều hơn một lần gây ra phiền hà, đau khổ cho người hay chính mình. Nhưng con người quý nhất ở việc biết sám hối, biết hổ thẹn để chuộc lại lỗi lầm. Có sám hối, biết hổ thẹn, chúng ta mới dễ chịu,

nhẹ nhàng thân tâm khi đã tự nhận tội lỗi của mình. Kinh Tâm Địa Quán nói “*Nếu như pháp mà sám hối thì tất cả phiền não thảy đều tiêu trừ. Cũng như lửa kiếp làm hoại thế gian, thiêu đốt núi Tu-Di luôn biển cả. Sám hối có thể thiêu đốt rừng phiền não. Sám hối có thể vắng sanh về cõi thánh. Sám hối có thể được vui tứ thiên. Sám hối là mưa bảo châu ma-ni. Sám hối có thể sống lâu như kim-cang. Sám hối có thể vào được cung điện thường lạc. Sám hối có thể ra khỏi ngục tam giới. Sám hối có thể làm hoa Bồ Đề nở. Sám hối có thể được gương tròn lớn của Phật. Sám hối có thể đến chỗ bảo thành (31).*”

Riêng nói về người không biết sám hối, ăn năn sẽ phải đau khổ mãi vì không ai thông cảm, thương hại. Cũng như chính bản thân sẽ bị dày vò, dần vặt đến cả cuộc đời.

Hở thẹn cũng vậy, biết hở thẹn chúng ta không dám tái phạm những lỗi lầm đã tạo ra. Kinh Di Giáo, Phật dạy “*Người có hở thẹn thì có thiện pháp, nếu người không biết hở thẹn cùng với những loài cầm thú không khác chút nào vậy (32).*”

Như thế việc ta hiểu rằng, khi đã lỡ tạo ra những sai lầm thì ta phải tự cố gắng sám hối, hứa lầy sẽ không tái phạm nữa. Và một khi tư tưởng có móng lên việc xấu ác ta liền biết ngay đây là việc sai ta đã phạm rồi, nay không dám tạo tác nữa. Thêm một điều giúp ta ngăn chặn và dứt trừ được việc xấu ác là nên suy tìm nguyên nhân, đưa ra hậu quả sẽ xảy ra nếu ta hành động. Vậy trong lúc suy niệm, phán xét chắc chắn có thể kịp thời phá được ý tưởng xấu kia.

Cũng như pháp đầu của Tứ Chánh Cần, dùng danh hiệu Phật để ngăn chặn, tiêu diệt ý tưởng sai lầm, đang chớm nở trong đầu, thì ở pháp thứ hai này ta vẫn duy trì danh hiệu Phật để gội rửa và sám hối những ác nghiệp đã lỡ gây ra trong quá khứ và hiện tại.

c) Niệm Phật để làm phát sanh những điều tốt chưa phát sanh

Trong hai pháp đầu, chúng ta cố gắng ngăn ngừa và dứt trừ, ngược lại ở pháp này và pháp cuối, ta lại gắng làm phát sanh, tạo cho việc này sẽ tiếp tục vậy mãi. Điều gắng làm phát sanh hẳn phải là điều thiện, pháp lành.

Như ta biết tư tưởng có xấu, có tốt chúng được huân tập mãi trong đầu. Vậy nếu được thanh lọc, chọn lựa để tích trữ, ứng dụng thì đây là việc đáng làm khi

chọn điều hay ý đẹp. Có cố gắng sáng tạo những hình ảnh đẹp, hình ảnh lành hợp với Phật pháp; nuôi dưỡng ý niệm thiện lành như thế, thì cơ hội phát sinh thể hiện ra bên ngoài sẽ dễ dàng đối với chúng ta.

Người mà có được ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh hẳn là người luôn nuôi dưỡng và sáng tạo những thiện niệm trong tâm tư. Do đó có thể hiểu rằng làm phát sinh thiện niệm là tự làm cho ba nghiệp mình được an lành trước nhất. Tiếp theo từ sự an lạc đó, ý niệm thiện lại càng tăng thêm.

Với việc niệm Phật lúc này, là động cơ giúp ta phát triển điều lành một cách tích cực hơn. Bởi vì khi niệm Phật có nghĩa là niệm ý tưởng lành. Một câu Phật khởi lên một điều lành được hun đúc. Nhiều câu Phật phát sanh, nhiều niệm lành sanh khởi, và cứ như vậy điều lành sẽ được thể hiện qua tâm niệm Phật giống như tâm nghĩ thế nào thì hành động như thế đó.

d) Niệm Phật để luôn tiếp tục làm phát sanh những điều lành đã phát sanh

Có lẽ không có ai tự hào rằng tôi đã làm quá nhiều việc tốt lành, và đời tôi không có chi là xấu ác. Nếu người nào được như vậy bằng sự thật thì người đó phải là Thánh nhân. Nhưng thật ra các vị Thánh nhân cũng vẫn thấy việc làm lành hướng thượng của các Ngài vẫn chưa đủ. Như vậy so với chúng ta những phàm nhân, chậm lụt đâu lẽ nào dám ngưng việc làm lành hướng thượng, hay tự cho mình đã làm đủ rồi! Nhìn ngược về quá khứ, chúng ta đã từng nghe nói các vị Thánh nhân, đức trọng luôn luôn tinh tấn siêng năng cho đến cuối cuộc đời. Trong Luật Sa Di có nhắc Ngài Hiếp tôn giả cả một đời không đặt lưng dính chiếu. Ở Ấn Độ có Thánh Gandhi hy sinh trọn đời làm việc của ông cho lý tưởng hòa bình, bất bạo động. Ngọn đuốc tràn đầy từ bi, trí tuệ của Hoà Thượng Thích Quảng Đức phải chăng đã đến từ sự đại tinh tấn, hằng nuôi dưỡng dòng thiện niệm, và còn biết bao vị cao tăng ẩn danh cho đến khi lặng lẽ viên tịch ở một nơi nào đó mà không ai hay biết.

Do vậy ở pháp cuối trong bốn pháp Chánh Cần này, Phật dạy chúng ta phải cố gắng phát triển mãi những ý niệm thiện, và chính nhờ sự gia công luôn luôn này, những ác niệm không có chỗ đứng trong đầu của ta; cũng như việc làm lành mới được viên mãn. Và người thực hành công phu niệm Phật sẽ làm luân

lưu mãi dòng nước thiện niệm bằng danh hiệu Phật chảy mãi đến cuối cuộc đời trong niềm an lạc hạnh phúc.

3) Niệm Phật với Tứ Như Ý Túc

Tứ Như Ý Túc còn gọi là bốn pháp thần túc, là pháp thiền định làm phương tiện, đạt được như ý muốn cũng như bốn phép thần thông vậy. Bốn pháp ấy là:

– Dục Như Ý Túc

– Tinh Tấn Như Ý Túc

– Nhất Tâm Như Ý Túc

– Quán Như Ý Túc

a) Niệm Phật với Dục Như Ý Túc

Phàm làm người ai cũng có khao khát, mong muốn mọi điều cho cá nhân. Nhưng sự mong muốn, khát vọng này mang lại ý nghĩa thế nào cho bản thân cuộc sống liên quan đến gia đình, xã hội mới là điều quan trọng.

Dục Như Ý Túc là mong muốn, khao khát, ước ao một điều gì cho thành tựu. Đương nhiên điều mong muốn này đối với người Phật tử phải là điều mong muốn chân thật, thanh cao, chớ không phải là sự mong muốn xuôi theo đòi hỏi của dục vọng.

Người để vọng tình ham muốn làm chủ thân tâm, thì dù việc gì cũng dám làm, không còn nghĩ đến nhân quả, nghiệp báo chi cả. Đây không chỉ nói người không có đạo mà cả luôn người có đạo cũng vậy, cho đến tu sĩ không khác. Hễ ham muốn sai quấy dẫn đến kết quả xa đọa. Hậu quả có khi lại không đợi đến kiếp sau, đời tới mà ngay lúc hiện tại phải chịu nhiều đau khổ từ sự ham muốn sai lạc mà ra.

Với sự ham muốn thanh cao, tươi sáng hạng người nào cũng được kết quả an vui tươi đẹp. Có khi kết quả lành ấy đến ngay, mặc dù điều mong muốn kia vẫn

còn nằm trong tư tưởng. Ví dụ ta chỉ vừa khởi tâm mong muốn giúp người, thì tâm hồn ta ngay lúc ấy đã có niềm hỷ lạc rồi.

Người thực hành pháp môn niệm Phật trong sự mong muốn này lại càng tha thiết hơn. Ví như người thường mong muốn việc gì đã khắc ghi vào tâm khảm, rồi giữ mãi sự khát khao này trọn cuộc đời, thì người niệm Phật cũng y như vậy. Có thể công phu niệm Phật mới thành tựu như ý.

b) Tinh tấn Như Ý Túc trong pháp niệm Phật

Một khi đã mong muốn ước ao điều gì, chúng ta phải luôn luôn cố tâm đeo đuổi cho bằng được. Người niệm Phật áp dụng vào pháp Tinh Tấn Như Ý Túc, không khác gì thiền định. Phải cố gắng khắc phục nội tâm, ngoại giới nhiếp tâm vào danh hiệu Phật không để gián đoạn.

Nếu pháp thiền định theo dõi được thân tâm trong mọi động tác đi, đứng, nằm, ngồi với chánh niệm; thì người niệm Phật cũng sống thờ với danh hiệu Phật trong từng động tác.

Sự công phu vào những giờ giấc thiền, niệm nhất định chưa thể gọi trọn vẹn là sự Tinh Tấn Như Ý Túc. Tinh Tấn Như Ý Túc là phải luôn luôn đeo đuổi, như con đeo mẹ, như mèo rình chuột. Kinh Di Giáo Phật dạy “*Ví như giọt nước chảy luôn có thể soi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê chẳng khác nào kéo lửa chưa nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được (33)*”

c) Nhất tâm như ý túc trong pháp niệm Phật

Dù làm bất cứ công việc gì, muốn được thành tựu như ý thì phải chú tâm. Việc hành trì Phật pháp lại càng nhất tâm hơn nữa. Huống chi tâm là nguyên nhân, nguồn gốc sanh ra các pháp. Kinh Tâm Địa Quán, Phật dạy “*...Ba cõi lấy tâm làm chủ. Người hay quán sát tâm mình thì được Niết Bàn rất ráo. Kẻ không hay quán sát tâm mình thì sẽ chìm đắm trong biển khổ...(34)*” Vậy quán sát, nhiếp tâm vào chánh định là thực hành được Nhất Tâm Như Ý Túc. Người niệm Phật cũng thế, nắm giữ danh hiệu Phật ngày đêm không xao lãng, không phân tâm với ngoại cảnh duyên trần. Hành trì như thế đến khi nhất tâm, sẽ không còn thấy tâm mình khác tâm Phật như kinh Quán Phật có dạy “*Nếu hay chí tâm*

giữ niệm, nội tại đốn chánh quán sắc thân Phật, cùng với Phật không khác, tuy ở trong phiền não cũng không bị điều ác che lấp, ở đời vị lai mưa pháp vũ lớn (35).”

d) Quán Như Ý Túc trong pháp niệm Phật

Đến đây pháp còn lại của Tứ Như Ý Túc là Quán, nghĩa là chiêm nghiệm, tư duy quán sát các pháp. Nhờ trải qua ba pháp đầu: mong muốn, siêng năng, nhất tâm không loạn, cho nên việc quán sau có phần lưu thông. Nếu không có được ba pháp đầu thì không làm sao quán được. Điều này có nghĩa ta cần có trí tuệ từ việc định tâm chuyên nhất, tinh tấn mà ra.

Quán sát các pháp sinh diệt để đạt đến thật lý vô thường của vạn pháp. Từ đây sẽ giúp cho hành giả thấu rõ vững chắc nơi pháp mình đang tu.

4) Niệm Phật với Ngũ căn, Ngũ lực

Ngũ căn là năm căn, năm phần căn bản, cội rễ phát sinh ra thiện pháp. Năm phần đó là:

1. Tín căn
2. Tinh tấn căn
3. Niệm căn
4. Định căn
5. Huệ căn

a) Niệm Phật cần có Tín căn

Trong năm căn, Tín căn được đặt trước tiên, điều này cho thấy tin là bước đầu tiên hành trì mọi pháp. Trong kinh Phạm-Võng có nói *“Tất cả các hạnh lấy tin làm đầu. Tin là cội gốc của các công đức (36)”*. Cũng không kể là pháp sâu cạn, cao thấp nếu không có lòng tin việc tu hành sẽ không thành đạt. Kinh Tiểu Địa Quán dạy *“Vào biển Phật Pháp, lòng tin là gốc...(37)”*. *Nhưng lòng tin ở đây phải đến từ lý trí sáng suốt, hiểu biết minh mẫn, hẳn không phải là tin càng, tin bướng một cách mù quáng, vô minh. Kinh Niết Bàn dạy “Tin mà không hiểu vô minh thêm nhiều. Hiểu mà không tin, tà kiến thêm lớn (38).”*

Ở pháp Tín căn đây, nhắc người Phật tử trước khi vào biển Phật phải có niềm tin căn bản. Niềm tin căn bản này là tin ba ngôi Tam Bảo, là Phật, Pháp, Tăng.

-Tin Phật: Là đáng vẹn toàn về đức tánh Hùng lực, Từ bi, Trí tuệ. Ngài không phải là vị thần linh, ban ơn, giáng họa hay bậc Thánh thần để ta thờ cúng van xin, mà chỉ đơn giản tin rằng Phật chỉ là một con người thanh tịnh, giác ngộ hoàn mỹ. Tin như vậy để thấy rằng chúng ta cũng có tánh giác như Phật, nhưng chỉ khác Phật ở chỗ chúng ta chưa được hoàn mỹ mà thôi.

-Tin Pháp: Trí huệ của Phật là siêu việt thì giáo pháp, lời dạy của Phật phải là chân lý. Hơn nữa giáo pháp Ngài dạy không phải của riêng Ngài, giáo pháp ấy bàng bạc trong không gian vô tận và thời gian vô thủy vô chung. Đức Phật chỉ là người giác ngộ từ giáo pháp ấy rồi dạy lại chúng ta. Do vậy giáo pháp đó là chân lý không phải thần kỳ, huyền hoặc.

-Tin Tăng: Những đại đệ tử của Phật thật tu thật chứng nhiều vô số. Các Ngài đã thay Phật đem ánh sáng giác ngộ trải rộng đến muôn người muôn vật. Và cũng chính nhờ vậy mà giáo pháp muôn thuở ấy mới tồn tại mãi đến ngày nay.

Lược qua ba đức tin căn bản, người Phật tử sẽ vững vàng bước đi vào đạo mà không sợ vấp ngã.

Đối với pháp niệm Phật ở Tín căn, người niệm Phật phải xem đây là điều kiện tiên quyết. Bởi niệm Phật có nhất tâm hay không là do ở niềm tin xác đáng. Nay ta đã tin Phật Thích Ca, thì phải tin Phật A Di Đà, vì lời Phật dạy không bao giờ sai dối; và đã tin Phật A Di Đà thì lời nguyện tiếp dẫn của Ngài (Phật A Di Đà) hẳn phải là sự thật. Người niệm Phật tin được như thế, dẫn đến sự trì niệm thâm sâu hơn.

b) Tín căn trong pháp niệm Phật

Việc học, việc làm ở thế gian có được thành công, là do siêng năng cần cù, nhẫn nại không nản chí, thì việc học Phật là việc cao thượng tinh tế khó hành, không thể thiếu tánh đức siêng năng được.

Khi đã có được lòng tin vững chắc về ba ngôi Tam Bảo, người Phật tử phải tiếp theo dùng nghị lực tinh tấn của mình mà thực hành theo giáo pháp; nếu

không niềm tin ấy chẳng mang một ý nghĩa gì. Vậy tính căn là sự siêng năng không ngừng nghỉ trên con đường đạo. Trong kinh Bồ Tát Bồ Hạnh, Phật dạy rõ ràng về lợi ích của tinh tấn. “...*Người tại gia mà biết tinh tấn thì ăn mặc đầy đủ, sự nghiệp rộng lớn, xa gần được người tán thưởng khen ngợi. Người xuất gia mà biết tinh tấn, thì thành tựu được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dứt được trôi lăn sinh tử, được đến bến bờ Niết Bàn an vui (39).*”

Niệm Phật đối với tính căn lại càng được đặt nặng hơn hết. Bởi vì rất ráo việc niệm Phật là mong sao được nhất tâm trong câu niệm Phật, mà muốn được vậy phải luôn luôn tinh tấn niệm niệm tương tục; có nghĩa làm cho câu niệm kết nối nhau như dòng nước chảy không đứt đoạn. Và trong câu niệm đó chẳng những không mống khởi điều xấu ác, mà điều thiện lành cũng không có mặt. Niệm được như thế mới là tấn tu trong niệm Phật. Do vậy ta thấy rằng dù người Phật tử tại gia hay xuất gia đều phải tinh tấn hành đạo. Không gia công tinh tấn, thì mọi pháp môn tuyệt diệu, cao siêu nào đi nữa cũng là hư vọng. Ngược lại quyết tâm bền chí, tinh tấn pháp môn nào khó đến đâu cũng dễ thành công. Do đó tinh tấn là tối quan trọng là tối căn bản của người Phật tử

c) Niệm căn trong niệm Phật

Cuộc sống rối ren, hỗn độn hằng ngày ảnh hưởng rất nhiều vào tâm niệm con người. Từ đây là nguyên nhân sanh ra những thao thức, bất an chập chờn trong tâm thức. Ở xã hội văn minh không ai lại không ít nhiều bị lôi cuốn vào cuộc sống rối ren này.

Muốn dừng lại tâm niệm lãng xăng để hướng về tâm niệm đơn thuần, chúng ta chỉ có cách chuyển tạp niệm thành nhất niệm.

Niệm căn là niệm tưởng căn bản quy về thiện niệm, là sự ghi nhớ thuần chất quy về thiện pháp. Sự ghi nhớ này về một đối tượng thanh cao trong sáng đầy lùi tạp niệm xấu xa. Hình ảnh đức Phật, giáo lý giải thoát là mục tiêu để tăng trưởng niệm căn được thành tựu.

Hành trì niệm Phật là hợp nhất với pháp niệm căn thanh tịnh, vì niệm Phật là ghi nhớ pháp lành, là trau dồi ý tưởng đạt đến trạng thái trong sáng ở tâm hồn.

Ghi nhớ niệm Phật còn được chư Phật hộ niệm, giao cảm như lúc nào cũng gần gũi với Phật. Trong kinh Niết Bàn Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: *“Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ thường hay chí tâm chuyên niệm Phật, hoặc ở núi rừng, hoặc ở thôn xóm, hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, các đức Phật Thế Tôn thường thấy người này như trước mặt (40)”*.

d) Định căn trong niệm Phật

Khi niệm căn được thuần thực, khắc ghi vào tâm các pháp lành ý thiện. Tâm thức của chúng ta bây giờ sẽ ngừng lại những lăng xăng, loạn động chỉ còn lại sự chuyên nhất vào pháp thanh tịnh. Giữ được trạng thái an lạc nhất như này gọi là định căn. Công năng của định căn đào luyện con người có được tính tập trung, khả năng chịu đựng, sự nhận định sáng suốt. Kinh Di Giáo Phật dạy *“... Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các thiền định, nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Ví như người giữ nước, khéo giữ đê điều. Cũng thế hành giả vì nước trí huệ, khéo tu thiền định khiến cho không bị chảy mất.(41)”*

Người niệm Phật chuyên tâm vào hồng danh Phật cũng sẽ được chánh định không khác gì thiền quán. Bởi vì lìa tán loạn an trú vào một chỗ đạt đến thanh tịnh là được chánh định, mà niệm Phật là niệm pháp lành, pháp thiện để đạt được định tâm cho nên không khác vậy.

e) Niệm Phật với tuệ căn

Từ ghi nhớ các pháp lành (niệm căn) đến được an tịnh (định căn), tới đây tư tưởng sẽ bừng sáng, trong lành không còn ô nhiễm, do đó dẫn đến tuệ căn.

Tuệ căn là căn tánh trí tuệ tinh khiết, sáng suốt trong đó không có sự phân biệt mê lầm vọng động. Vì thế với tuệ căn sáng suốt ta có thể thực hành quán sát nhận chân ra mọi việc thật hư, liên quan tới việc giải thoát sinh tử như kinh Trường A Hàm có dạy *“Dùng trí huệ quán sát việc sống chết...(42)”* Lại kinh Di Giáo đức Phật đã nhấn mạnh việc hệ trọng của người có trí huệ và không trí huệ *“Tỳ kheo các ông! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tinh sát (suy xét) không để sanh ra tội lỗi. Thế là ở trong pháp của ta có thể được sự giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc đạo nhân, lại cũng*

chẳng phải là kẻ bạch y (cư sĩ), không biết gọi là gì! Người có trí tuệ chân thật, ấy là chiếc thuyền tốt có thể vượt qua biển già, bệnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm, mờ ám; là món thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh, là lưới búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não...(43)”

Do vậy trí tuệ phải là quan trọng đối với người tu Phật. Người niệm Phật cũng cần có trí tuệ sáng suốt. Phải niệm Phật trong niềm tin vững chắc, phải xác nhận việc sinh tử là gốc luân hồi, và quan trọng hơn phải biết pháp tu niệm Phật viên dung cả lý và sự. Về lý: nên hiểu rằng tâm Phật và tâm ta không khác nhưng vì ta luôn sống trong động, nên chơn tâm không phát lộ được. Và khi đã thanh tịnh nhất tâm thì việc niệm Phật chỉ là việc khơi dậy Phật tánh mà thôi. Cũng như cõi Cực Lạc Tây Phương có cách xa cõi Ta Bà bao nhiêu cũng chỉ trong một niệm của ta. Do vậy trang nghiêm tâm niệm cũng là trang nghiêm cõi Tịnh Độ.

Về sự: Nếu cõi Ta Bà ta sống đây là thật, là huyễn thì cõi Cực Lạc cũng không khác, và việc sinh về Cực Lạc lại không khác gì việc con người bị luân hồi trở lại cõi Ta Bà này. Cũng thế, trở lại cõi Ta Bà do tâm niệm, thì được sanh về Cực Lạc cũng do tâm niệm mà ra. Cho nên cõi Cực Lạc cách đây mười vạn ức Phật độ vẫn là một cõi thực có.

5) Niệm Phật với ngũ lực

Ngũ lực là năm năng lực hùng mạnh có thể tạo dựng nên thiện pháp và phá trừ ác pháp. Năm sức mạnh này phát sinh ra là do sự vun bồi của năm căn (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn), hay nói rõ hơn năm lực là sức mạnh của năm căn. Năm lực đó là: Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực.

Muốn thành tựu năm căn không thể thiếu năm lực. Trong kinh Âm Trì Nhập (thuộc Đại Tạng Kinh) có nói về ngũ lực như sau: “...Có năng lực làm lợi lạc đạo ngày một thêm, ân đức gội nhuần đến khắp mọi loài chúng sanh ngày một rộng lớn. Lực nghĩa là dám làm như vào chỗ ma binh không hề hấn một mảy lông của Bồ Tát. Đạo lực hàng phục được ma vương, nên dám làm không sợ sệt...(44)”

Qua đó hiểu rằng ngũ lực là phương tiện hùng mạnh giúp ta thành tựu trên đường đạo. Với người niệm Phật, Ngũ lực là con thuyền vững chắc đạp sóng,

lướt gió vượt tới bờ bên kia. Như thế phần nội dung, tính chất của ngũ lực chính là thần lực, sức mạnh của ngũ căn. Do đây có thể tóm tắt như sau:

a) Niệm Phật với tín lực

Nhờ vào năng lực hùng mạnh, niềm tin xác đáng, người niệm Phật sẽ kiên cố, vững chãi trong việc thực hành. Cũng như phá tan đi những nghi hoặc, phiền não làm lui sụt đạo tâm.

b) Niệm Phật với tấn lực

Sức hành trì tinh tấn không thối chuyển, người niệm Phật vượt qua mọi sự giải đãi, hôn trầm, đã dưng và dần dà đạt tới chỗ nhất tâm.

c) Niệm Phật với niệm lực

Năng lực khắc ghi vào tâm trí những thiện niệm có công năng phá trừ ác niệm. Người niệm Phật vững bền mãi với danh hiệu Phật trong tâm tưởng, do đó sẽ dẫn đến nhất niệm không rời loạn.

d) Niệm Phật với định lực

Sức tập trung tăng trưởng phá trừ được vọng tưởng, loạn động. Người niệm Phật không còn bị một chướng ngại nào kéo lôi, do vậy danh hiệu Phật được nhiếp niệm dễ dàng vào tâm ý.

e) Niệm Phật với huệ lực

Nguồn năng lực trí huệ sáng suốt, đập phá hết vô minh tà vọng. Người niệm Phật dễ dàng đi sâu vào câu niệm Phật một cách rốt ráo.

6) Niệm Phật với Thất Giác Chi

Thất Giác Chi cũng gọi là Thất Bồ Đề Phần, Thất Giác Ý, Thất Giác Phần nghĩa của pháp này là bảy phần tánh giác đưa người đạt đến quả Bồ Đề. Bảy phần ấy như sau:

1. Trạch pháp giác chi

2. **Tinh tấn giác chi**
3. **Hỷ giác chi**
4. **Khinh an giác chi**
5. **Niệm giác chi**
6. **Định giác chi**
7. **Xả giác chi**

Trong bảy phần này, phần Niệm, Tinh tấn, Định, mang ý nghĩa tương tự giống các pháp Niệm, Tinh tấn, Định trong Tứ Như Ý Túc, Ngũ căn, Ngũ lực. Do đó chỉ lược lại ý mà thôi.

a) Niệm Phật với trạch pháp

Như việc chọn lựa nghề nghiệp mưu sinh giải quyết nhu cầu căn bản cần có của đời sống, thì ở đây Trạch pháp cũng thế. Trạch pháp là sự lựa chọn một phương pháp tu hành đúng với lẽ đạo, chân lý. Nếu ai đó thất bại về việc chọn lựa sai làm công việc, thì người làm đạo cũng sẽ mất hết công đức tu hành khi không có trí huệ phân biệt giữa chánh tà, chân vọng. Người đời chọn sai việc làm có thể thất bại trong một ngày, một năm, tùy theo công việc; gia sản có thể hao kiệt dẫn đến nghèo đói v.v... Nhưng người hành đạo nếu không trí huệ, tu hành lẫn lộn với chánh tà, không rõ chân lý thì hậu quả sẽ gấp muôn lần nghèo đói. Vì một kiếp tu sai dẫn đến muôn kiếp đọa.

Người hành trì pháp niệm Phật đối với sự phân biệt chân vọng cần nên hiểu rõ. Tự tin chắc rằng pháp niệm Phật là do đức Phật nói ra, không phải từ một vị tổ, vị sư nào biết được để bày nói. Phân biệt lựa chọn bằng trí huệ sáng suốt như vậy, việc hành đạo mới không gặp trở ngại và con đường đạo sẽ được rút ngắn.

b) Niệm Phật tinh tấn

Một khi việc làm đã được hoạch định, phần còn lại chỉ cần cố gắng siêng năng đeo đuổi với công việc cho đến thành công. Người học đạo khi đã chọn lựa dò xét kỹ càng pháp tu; điều tiếp đến là phải tinh tấn công phu không gián đoạn, được như thế dù pháp môn có khó cũng hóa ra dễ. Ở kinh Di Giáo lời cuối cùng của Phật cũng chỉ là nhắc đi nhắc lại việc tinh tấn là tối hậu, là quyết định sanh tử cho người hành đạo. “*Này các Tỳ kheo, ngày thì chuyên cần tu tập các pháp*

lành chớ để thời giờ luống mất. Đầu đêm cuối đêm cũng chớ nên bỏ phép. Nửa đêm lấy sự tụng kinh làm ngủ nghỉ. Chớ vì nhân duyên ngủ nghỉ để một đời luống qua khiến không được gì. Phải nhớ đến lửa vô thường thiêu đốt thế gian, sớm cầu tự độ, chớ khiến cho ngủ nghỉ, các giấc phiền não thường rình rập giết người, nhất là oan gia. Các thầy có thể an ổn ngủ nghỉ, không tự cảnh tỉnh vậy ư? Rắn độc phiền não đang còn ngủ trong lòng các ông. Thí như rắn đến ngủ trong nhà ông, phải dùng lưới câu trỉ giới để sớm cầu trừ sạch đi. Rắn ngủ ra rồi mới có thể yên ngủ. Như thế là người không còn có gì hổ thẹn nữa vậy (45).”

Người niệm Phật không nói ra cũng đủ hiểu tinh tấn là hàng đầu. Vì không tinh tấn thì không thể niệm Phật nhất tâm được.

c) Niệm Phật hoan hỷ

Ai cũng thấy rằng đời sống con người vui ít khổ nhiều. Vui chỉ móng lên tồn tại đôi chút rồi bao nhiêu còn lại là niềm đau buồn lo khổ. Tuy nhiên niềm hoan hỷ, lạc vui trong đời cũng không phải là việc khó tìm. Niềm vui có thể có mặt khắp nơi và lúc nào cũng tùy do ta mà hiện hữu. Nếu người biết sáng tạo thì hỷ lạc vẫn tràn ngập ở tâm hồn.

Niềm vui hỷ lạc lại có thể sanh ra điều thiện và điều bất thiện. Vui với hành động yêu thương mang đến sự an lành cho người, hay chia sẻ nỗi vui với người khác thì gọi là vui thanh cao, thánh thiện. Ngược lại là bất thiện, nếu vui trên sự đau khổ của người, hay vui trong thỏa thuê dục vọng. Vậy phần hỷ trong Thất Giác Chi này là hoan hỷ với niềm vui thiện; niềm vui hướng tới sự thành tựu giải thoát. Với người niệm Phật, niềm hoan hỷ cần phải thực hành. Bởi danh hiệu Phật phải được phát xuất ra từ tâm hoan hỷ không chứa chấp phiền não; cũng như tâm đã hoan hỷ thì tâm niệm lúc đó mới là thật niệm.

d) Khinh an trong niệm Phật

Thân tâm đã hoan hỷ cho nên sanh ra nhẹ nhàng an ổn đây gọi là khinh an. Đối lại khinh an là sự trì trệ, phiền trọc nặng nề của phiền não. Người muốn giải thoát hệ lụy này phải làm sao thanh lọc thân tâm được thanh tịnh, trong sáng.

Qua ba phần giác chi nói trên chúng ta thấy tuần tự từ việc chọn lựa pháp môn chánh đáng rồi tinh tấn hành trì; sau đó hoan hỷ trong niềm an lạc của đạo, từ đây là nguyên nhân dẫn đến khinh an (nhẹ nhàng an ổn). Vậy thì nhận định và thực hành đúng với chánh pháp thì niệm khinh an sẽ tự có mặt trong ta mà không phải cần tìm kiếm nơi đâu. Thời Phật còn tại thế các tu sĩ ngoại đạo hay ngạc nhiên với tăng chúng của Phật, do đâu mà tâm hồn các Ngài luôn nhẹ nhàng, thanh thoát trong khi ngày chỉ ăn một buổi đêm ngủ ở gốc cây. Đức Phật trả lời, là do các vị ấy hành đúng với giáo pháp giải thoát; không nổi tiếc quá khứ, không trầm tư, ngưỡng vọng đến tương lai. Vì quá khứ đã qua, tương lai chưa đến. Sống như thế hành như thế cho nên các Ngài được khinh an.

Niệm Phật muốn nhất tâm, thì cũng phải tạo cho thân tâm được nhẹ nhàng, an ổn. Có an ổn thư thái danh hiệu Phật mới rõ ràng rõ rệt.

e) Niệm giác chi trong niệm Phật

Phần Niệm trong Thất Giác Chi cũng cùng một nghĩa niệm của các pháp trước. Nghĩa là ghi nhớ, khắc ghi vào tâm tưởng các pháp lành, điều thiện. Nhớ nghĩ như vậy mãi sẽ ngăn chặn được tâm buông lung, xằng bậy. Vì buông lung làm tiêu mất thiện pháp, kinh Niết Bàn, Phật dạy “...*Buông lung có mười ba điều tội lỗi: Một là vui thích nghiệp bất thiện ở đời. Hai là vui thích nói lời vô ích. Ba là vui thích ngủ nghỉ lâu. Bốn là vui thích nói việc thế gian. Năm là vui thích thân gần bạn ác. Sáu là thường giải đãi biếng nhác. Bảy là thường bị người khinh chê. Tám là tuy có nghe nhưng rồi quên mất. Chín là ưa thích ở chỗ bưng biền biên địa. Mười là không thể điều phục các căn. Mười một là không đủ ăn. Mười hai là không ưa thích chỗ tịch tĩnh. Mười ba là chỗ thấy không chọn chánh. Nếu người buông lung, tuy có được gần Phật và đệ tử của Phật, nhưng cũng đã như xa rồi vậy (46).”*

f) Định Giác Chi trong niệm Phật

Phần Định ở đây cũng không khác các Định ở những pháp trước, là cố tập trung điều phục tâm ý vào pháp mình đang tu. Nuôi dưỡng, gìn giữ chuyên nhất về một nơi như vậy, thì tuệ giác phát sinh thành tựu các thiện pháp. Người niệm Phật cũng chuyên nhất về danh hiệu Phật mà đạt tới định tâm hay gọi là nhất tâm bất loạn.

g) Xả Giác Chi trong niệm Phật

Thế giới ô trược, con người đau khổ phần lớn là do tâm tham đắm, chấp trước của chúng sanh. Vì tham đắm nên tạo ra muôn vàn nghiệp duyên, quây quần rối rít, tử tử, sinh sinh. Người học đạo giải thoát trước tiên phải phá trừ tâm tham đắm, chấp nê. Sự tham luyến, chấp chặt vào bất cứ pháp nào, hình thức chi vẫn mang đến đau khổ, ngay cả đến sự chấp vào pháp tu học giải thoát cũng thế. Bởi vì đời là vô thường, mọi pháp đều huyễn hóa. Còn tha thiết, say đắm vào quả vị thì còn dính mắc vào pháp chấp, ngăn trở việc giải thoát tuyệt đối. Ở pháp xả này có nghĩa là lia bỏ mọi vướng bận trì kéo, dính mắc làm thói chuyển đạo tâm. Tuy thế việc hành xả này không có nghĩa là từ bỏ hết, quên hết để rồi biến thành một người ngây dại sống bất định ở đời. Việc hành xả ở đây vẫn là tinh tấn hăng say vui vẻ tạo thiện, phá ác. Nhưng rồi sẽ không chấp vào việc làm lành phá ác đó, cũng như biết đời là huyễn nên không tiếc cái thân huyễn mà hành đạo.

Người niệm Phật cũng thế, xem việc trì danh công phu niệm Phật là phương tiện, là huyễn hóa. Và chính vào sự hiểu biết đó cho nên niệm Phật càng nhiếp tâm mà không chi lo sợ phải bị kẹt vào pháp chấp.

7) Niệm Phật trong Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo hay còn gọi là Bát Thánh Đạo, là pháp tu nhằm cải tạo thăng hoa đời sống con người đến hoàn mỹ tuyệt đối. Có thể nói cuộc sống được thánh thiện không thể thiếu Bát Thánh Đạo. Người Phật tử học Phật hầu như ai ai cũng nghe nói về pháp tu này. Một pháp tu không gò bó câu nệ, mê tín, được xem như căn bản nhất trong đạo Phật.

Bát Chánh Đạo gồm tám con đường như sau:

1. Chánh kiến
2. Chánh tư duy
3. Chánh ngữ
4. Chánh nghiệp
5. Chánh mạng
6. Chánh tinh tấn
7. Chánh niệm
8. Chánh định

a) Niệm Phật với chánh kiến

Bao việc sai lầm ngang trái xảy ra trong đời sống là do sự thấy biết không thật đúng của con người. Nhìn nhận một vấn đề sai dẫn đến kết quả đen tối, ngược lại là kết quả tươi đẹp khi hiểu biết phán xét đúng sự thật.

Chánh kiến nghĩa là sự thấy, biết, hiểu một cách đúng, hợp với chân lý, lẽ phải, mà không đưa đến ngộ nhận cho người hay chính mình. Nhưng cuộc sống lại đôi khi nằm trong mâu thuẫn, thành kiến thì làm sao ta có thể tự cho mình là chánh kiến! Ở đây điều quan trọng là phải nhìn sâu hơn trong cái nhìn hiểu biết về chánh kiến, có nghĩa phải dung hòa bằng nhiều phương tiện để tự tìm ra lối thoát.

Trong đời sống mưu sinh, con người phải tìm mọi cách để tự gán mình vào khuôn mẫu xã hội, hầu gia nhập vào công lệ thế gian. Từ đó khó có thể tạo cho mình một ý thức độc lập để có sự hiểu biết về cái nhìn khách quan.

Cái nhìn khách quan ở đây không chỉ đứng bên ngoài sự việc mà quán xét. Trái lại phải nhập cuộc để gạn lọc, học hỏi rồi tìm ra phương pháp hóa giải vấn đề. Cũng như thế người có chánh kiến không khư khư cố chấp sự hiểu biết của mình mà từ chối tất cả, hay tệ hại hơn cho người khác là sai; vì vấn đề sai đúng còn tùy vào nhiều khía cạnh, như hoàn cảnh, môi trường, thời gian... Thế nên vấn đề tiên quyết là uyển chuyển bằng nhiều phương tiện chuyển hóa, hoán cải để tự nhận ra điều thiện, điều bất thiện. Trong kinh Trung Bộ I, phẩm Chánh Tri Kiến, có nói *“Khi Thánh đệ tử tuệ tri (hiểu biết sáng suốt) được bất thiện và tuệ tri được căn bản của bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản của thiện, này chư Hiền khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này (47).”* Với người niệm Phật pháp chánh kiến phải cần sáng tỏ. Nhận thấy rằng pháp niệm Phật là một diệu pháp hợp xứng với tâm cảnh con người thời nay mà đức Phật đã tuyên dạy. Bằng niềm tin hiểu biết đúng như thế sẽ là nghị lực bất thối, trước mọi hoàn cảnh tình huống để không sợ phải lạc vào tà kiến.

b) Niệm Phật với chánh tư duy

Con người được xem như một sinh vật cao quý, thông minh nhất trên địa cầu. Loài người có thể hầu như làm được tất cả. Biết bao chứng tích lịch sử từ ngàn

xưa còn sót lại đã chứng minh được điều này. Cho dù chứng tích đó có thánh thiện hay gian tà cũng nói lên được sức hiểu biết của con người. Nếu so sánh với loài vật khác, sự khác biệt với nhau rất xa. Trí hiểu biết của loài vật hạn hẹp, nhỏ nhoi chỉ thể hiện trong phản ứng sinh tồn, ngoài ra xem như không có gì cả so với con người thật sâu xa siêu việt. Giả như con người không có hiểu biết tư duy thì y như loài vật không hơn không kém.

Tư duy là suy xét, suy tư, suy niệm. Chánh tư duy là điều suy tư nghiêm xét hợp với chân lý lẽ phải. Việc suy tư, xét nghiệm đúng đắn giúp người ta hoàn thành trách vụ công việc tốt trong xã hội. Người học đạo giải thoát có chánh tư duy mới thấy rõ được bản chất, bản thể của các pháp là vô ngã, vạn vật là vô thường và vô minh là đầu mối của sinh tử.

Niệm Phật với chánh tư duy là niệm trong tư duy chánh pháp. Nhận ra Phật hiệu là tự tánh, là Phật tâm, là phương tiện rất ráo nhất đưa người về nguồn tâm như thật.

c) Niệm Phật với chánh ngữ

Trong luật Sa Di có nói “*Luận việc xử thế ở đời, lưỡi búa nằm ngay trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác của chính mình*”. Tục ngữ, ca dao cũng nói “*Thần khẩu buộc xác phạm*.”, “*Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*.” Tất cả ý nghĩa khuyên ta hãy nên thận trọng lời nói để khỏi phải chịu tai họa. Cố gắng nói sao cho êm đẹp, cho hòa vui hết thảy. Tuy nhiên phải hiểu, lời nói đây phải thành thật, chân tình, không rụt rè nịnh hót, a dua cho được yên thân, thoát nạn.

Đương đầu trong cuộc sống mới thấy khẩu nghiệp là quan trọng. Chẳng hạn cũng một lời nói mà ở vào hai người có địa vị khác nhau, thì hậu quả của nó hoàn toàn sai khác. Người càng có chức vị cao lời nói càng dè dặt. Thế nên thường thấy các vị lãnh đạo, chính khách đều phát ngôn rất chuẩn mực.

Lời nói có giá trị như mạch sống của con người. Người học Phật phải biết lời nói là một trong ba nghiệp quan trọng nhất của người Phật tử, đó là Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp. Thực hành Bát Chánh Đạo mà xem thường phần chánh ngữ thì không đạt được mục đích chân thiện hoàn toàn.

Chánh ngữ là lời nói đúng với sự thật, chân lý, trái ngược với lời nói vọng, nói ác, nói lường thiệt (nói hai đầu), nói phù phiếm. Chánh ngữ luôn luôn mang tính chất xây dựng, hài hòa, hợp nhất với hành động. Công đức của lời nói thật được nêu ra trong Luận Trí Độ như sau: *“Lời nói chân thật được lợi ích không kém bố thí, trì giới, học vấn, đā vãn. Chỉ cần tu lời nói chân thật, cũng được vô lượng phước đức vậy (48).”* Ngược lại là hậu quả phải gánh chịu, cũng trong Luận Trí Độ: *“Nói dối có mười tội: Một là hơi miệng hôi thúi. Hai là thiện thần xa lánh, phi nhân tự tiện xâm nhập. Ba là tuy có lời nói chân thật, người nghe không tin chịu. Bốn là người trí nghị bàn, thường không được tham dự. Năm là thường bị người bài báng, tiếng xấu đồn khắp thiên hạ. Sáu là người không kính trọng, tuy có việc dạy bảo, nhưng người không chịu thừa nhận tin dùng. Bảy là thường nhiều lo buồn. Tám là gieo trồng nghiệp nhân duyên hủy báng. Chín là thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục. Mười là sanh ra làm người thường bị bài báng (49).”*

Niệm Phật với chánh ngữ lại càng tương hợp. Mỗi câu niệm Phật là mỗi lời chánh ngữ, điều tịnh khẩu nghiệp, xa trừ ác ngữ, thanh tịnh nội tâm. Kinh Bảo Tích dạy rằng *“...xưng niệm Nam Mô Phật, khẩu nghiệp sạch không. Khẩu nghiệp như thế gọi là cầm cây đuốc lớn chiếu sáng phá tan phiền não(50).”*

d) Niệm Phật với chánh nghiệp

Giá trị hạnh phúc đích thực của con người là sống, hành động phù hợp theo tinh thần đạo đức bỏ ác làm lành, cải thiện đời sống an vui từ trong gia đình ra ngoài xã hội. Nếu vì lý do gì hành động ngược lại tinh thần tâm linh đạo đức, con người sẽ phải gánh chịu kết quả khổ đau từ việc làm của chính mình. Kinh Niết Bàn dạy *“Quả báo thiện ác như bóng theo hình. Nhân quả ba đời tuần hoàn không mất...(51)”*

Chánh nghiệp là hành động thiện, hành vi lành hợp với chánh pháp mang lợi ích, điều hòa đến ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý.

Niệm Phật với chánh nghiệp là tạo hành động lành, kiểm soát ba nghiệp, thanh tịnh thân tâm, dứt mọi điều xấu ác. Khi sống thân tâm nhẹ nhàng lúc mãn phần sanh về Cực Lạc. Kinh Pháp Cú *“...Người hành ác sanh vào khổ cảnh, người*

phẩm hạnh tốt sanh vào nhàn cảnh. Bậc không ô nhiễm nhập diệt vào Niết Bàn (52).”

e) Niệm Phật với chánh mạng

Trong xã hội mọi người mang lấy mọi công việc. Tùy vào sự hiểu biết cá nhân cũng như hoàn cảnh môi trường mà việc làm có cao thấp nặng nhẹ. Người ta phải cố làm sao giải quyết việc sinh nhai ấm no, lợi lạc. Từ việc nuôi thân này đôi khi con người vô tình tạo ra những việc làm không hay, bất thiện gây thương tổn đến người khác, và mất đi tính chất hài hòa thiên nhiên với vạn vật. Người Phật tử nguyện sống đời từ bi trí tuệ nên tự chọn công việc nào không tổn hại cho người cho mình và ngay cả đến loài vật. Chánh mạng là sự sinh hoạt với nghề nghiệp lành mạnh, thật thà lương thiện phù hợp với pháp lành lẽ thật. Trong Tăng Chi Kinh III đức Phật đã dạy cho cư sĩ Phật tử bốn pháp về lối sống của một người muốn tìm hạnh phúc an lạc trong sinh hoạt đời sống.

- 1. Sống đầy đủ tháo vác, tức làm thật giỏi, thật thiện xảo nghề nghiệp của mình.*
- 2. Biết giữ gìn tài sản do nghề nghiệp lương thiện làm ra, không để mất mát lãng phí.*
- 3. Được nuôi dưỡng và sống có đạo đức*
- 4. Không đam mê cờ bạc, không giao du với bạn ác...(53)*

Người niệm Phật với niệm vãng sanh cầu thành Phật, nên phát lòng từ thể hiện qua việc làm nghề nghiệp, do đây mà thuận hòa với chánh mạng.

f) Niệm Phật với chánh tinh tấn

Với người siêng năng cần cù học hỏi làm việc, đâu đâu thời nào họ cũng hoàn chỉnh, thành công tốt đẹp. Cũng vậy người học Phật có đạt được đạo là do tinh tấn tu hành. Do tinh tấn là then chốt nên các pháp trước như Tứ Chánh Cần, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi đã nhắc nhở. Chánh Tinh Tấn trong Bát Chánh Đạo cũng cùng ý nghĩa như vậy. Nghĩa là phải gia công, siêng năng hành động đúng với chánh pháp, lẽ thật có lợi ích đến mọi người mọi vật. Trong gia đình, xã hội nếu biết thực hành Chánh Tinh Tấn thì kết quả tươi đẹp, an

bình, giàu mạnh sẽ thấm đượm trải tràn lên hoàn cảnh đó. Trong đạo giáo giữ gìn mãi hạnh Chánh Tinh Tấn thì đạo pháp trường tồn quả tu chứng đắc.

Người con Phật phải cần tinh tấn mãi trọn đời. Trong kinh Hoa Nghiêm có dạy *“Bồ Tát chuyên cần tinh tấn tối thắng, nên không bị những tham dục, giận tức, ngu si, kiêu mạn, não hại, đố kỵ, bồn sên, hiềm hận, dua nịnh, không biết hổ thẹn làm não loạn. Bồ Tát thường phải nghĩ như vậy, ta không muốn làm chúng sinh não phiền, nên ta tinh tấn. Vì rõ biết chúng sinh phân biệt nên tinh tấn. Vì biết tất cả chúng sanh chết đây sống kia nên tinh tấn. Vì biết chư Phật thật pháp nên tinh tấn. Vì biết bình đẳng pháp mà tinh tấn...(54)”*

Pháp Chánh Tinh Tấn đã quan trọng cho đường tu vậy, thì người niệm Phật cần chuyên nhất gia công hơn. Niệm niệm bất thối, niệm niệm quy nhất về tâm, dừng nghĩ tất cả vọng tâm ô nhiễm, gọi sạch phiền não, tâm niệm bây giờ chính là niệm Phật chánh tinh tấn vậy.

g) Niệm Phật với chánh niệm

Trong đời sống hằng ngày con người đã phải đương đầu, đối diện biết bao vấn đề. Từ vấn đề đơn giản đến phức tạp, từ việc vui đến việc buồn. Tất cả ít nhiều đã khuấy động tâm hồn, khiến cho tâm trí con người dễ bị cuốn lôi sai xử. Người nào với trí sáng suốt lọc lừa; nhận ra điều nào đáng ghi đáng bỏ thì hậu quả ảnh hưởng của sự khuấy động sẽ giảm đi. Ghi nhớ điều tốt việc lành làm tâm hồn tươi mát, sinh ra hành động hợp với lẽ đạo làm người. Ngược lại không loại bỏ những tạp niệm xấu, con người dễ đánh mất cá tánh nhân từ đạo đức.

Chánh Niệm là điều ghi nhớ chân chánh hợp với sự thật chân lý, đây cũng tương tự nghĩa niệm ở các pháp trước.

Chánh Niệm lại có hai phần: Chánh Ưc Niệm và Chánh Quán Niệm.

– **Chánh Ưc Niệm** là ghi nhớ những gì sai suât, tội lỗi đã qua để gắng công sám hối chữa bỏ. Ghi nhớ những gì ơn ích, ân nghĩa để gắng công đền báo, như tứ trọng ân (ân cha mẹ, tổ quốc, chúng sanh, tam bảo). Phần Chánh Ưc Niệm này không khác pháp Tứ Chánh Cần là ngăn chặn điều ác chưa sinh, dứt trừ điều ác đã sanh, làm phát triển điều lành chưa sanh, tiếp tục phát triển những điều lành đã sanh.

– **Chánh Quán Niệm** là quán sát cuộc đời theo đúng sự thật, chân lý để ghi nhớ răn nhắc chính mình trên đường tu học, cũng như giúp mọi người thấy được lẽ thật này. Chánh Quán Niệm có tính cách sâu xa rộng rãi cả đến nhân loại.

Thực hành niệm Phật với Chánh Niệm là rút ráo diệt trừ tâm niệm xấu, thanh lọc tư tưởng sai quấy, để thay thế vun bồi vào tâm bằng ý niệm lành qua danh hiệu Phật.

h) Niệm Phật với Chánh Định

Sau khi đã thông hiểu và bước qua bảy con đường, tới đây là con đường cuối, rút ráo để hoàn thành mỹ mãn thánh thiện thân tâm. Chánh Định là con đường quan trọng nhất của hành giả phải trải qua. Tuy thế chánh định có được là hoàn toàn nhờ thông suốt, thực hành các con đường trước.

Nghĩa của Chánh Định lại là nghĩa của các định ở các pháp đã đề cập. Là tập trung định lực nhất tâm vào chánh pháp. Ngược với Chánh Định là đi sai đường, lạc lối vào tà định, dẫn đến đọa lạc trong ba đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Thực hành pháp niệm Phật đến thuần nhuần. Người niệm Phật sẽ có được Chánh Định không khác gì pháp tu thiền vậy.

Qua nội dung 37 phẩm trợ đạo được hiểu một cách sơ lược cho người niệm Phật. Chúng ta thấy rằng niệm Phật sẽ không trở ngại gì khi phải tìm hiểu hay dung hòa các pháp tu khác. Tuy nhiên cũng còn tùy vào khả năng căn cơ hiểu biết của mỗi người theo mỗi cách tu niệm để lãnh hội. Và điều quan trọng là hành giả phải thật có dụng công tha thiết trong niềm tin chánh tín và chí nguyện chân thành thì dù có hiểu bằng cách nào hành giả sẽ được toại nguyện như ý.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Chú thích:

(1) “Đức Phật và Phật Pháp” Phạm Kim Khánh dịch, trang 256, Đại Nam xuất bản 1987.

(2) Kinh Hoa Nghiêm, trích dẫn lại trong PPYN (Phật Pháp Yếu Nghĩa) của Hòa Thượng Thích Đức Niệm, tr 52, PHVQT (Phật-Học-Viện Quốc Tế) xuất bản 1988.

(3),(4) “Phật Pháp Con Đường Giải Thoát” của Jagdish Kasyapa, Tùng Chi Phóng tác, tr 57, 52, PHVQT xuất bản 1984.

(5) Kinh Phạm Võng, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch, tr 14, PHVQT xuất bản 1985.

(6) Kinh Pháp Cú, Phạm Kim Khánh dịch, trang 186, xuất bản tại Sài Gòn 1971.

(7) “Buddhism in The Eyes of Intellectuals” (Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức) by Ven. Dr. K. Sri Dhammananda, Thầy Thích Tâm Quang dịch, tr 55, copyright @ Thích Tâm Quang 1994.

(8) (9) (10) “Phật Học Tinh Yếu” thiên thứ hai của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, trang 247, 189, 190 PHVQT xuất bản 1986.

(11) Kinh Na Tiên Tỳ Kheo, sđd – PPYN trang 194.

(12) Các Tông Phái Đạo Phật, của Đoàn Trung Còn, trang 92, 93, 94, sách ấn tống in tại Kim Ấn Quán (Hoa Kỳ).

(13) Đường Về Cực Lạc của H.T Thích Trí Tịnh, tr kết.

(14) Kinh Pháp Cú, Phạm Kim Khánh dịch, tr 114.

(15) Kinh Thập Nhị Phật Danh, sđd – PPYN trang 192.

(16) Đức Phật và Phật Pháp, Phạm Kim Khánh dịch, tr 448.

(17) Kinh Quán Vô Lượng Thọ, (18) Kinh Tiểu Địa Quán, sđd – PPYN, trang 191, 48.

(19) Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức, Thầy Thích Tâm Quang dịch, tr 51.

(20) Kinh Vô Lượng Thọ, H.T Thích Chân Thường dịch, sách ấn tống PL 2532, tr 66.

(21) Kinh Thủ Lăng Nghiêm, (22) Kinh Quán Phật Tam Muội, sđd – PPYN trang 160, 193.

(23) Kinh Vô Lượng Thọ, H.T Thích Chân Thường dịch, tr 225.

(24) Kinh Hoa Nghiêm – phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thứ 40, H.T Thích Trí Tịnh dịch, PHVQT xuất bản.

(25) “Pháp Môn Giải Thoát”, chùa Đức Viên (Hoa Kỳ) ấn hành 1993, tr 36.

(26) Kinh Vô Lượng Thọ, H.T Thích Chân Thường dịch, tr 69.

(27) Kinh Mạ Ý, (28) Luận Đại Trí Độ, sđd – PPYN trang 168, 36.

(29) (30) Kinh Tương Ưng Bộ III, phẩm Gánh Nặng, H.T Thích Minh Châu dịch, tr 53, 52.

(31) Kinh Tâm Địa Quán, sđd – PPYN tr 154

(32) Kinh Di Giáo, H.T Thích Hoàn Quan dịch, trung tâm PG Hayward ấn hành 1994, tr 22.

(33) Kinh Di Giáo sđd trang 37.

(34) Kinh Tâm Địa Quán, (35) Kinh Quán Phật, (36) Kinh Phạm Võng, (37) Kinh Tiểu Địa Quán, (38) Kinh Niết Bàn, (39) Kinh Bồ Tát Bản Hạnh, (40) Kinh Niết Bàn, sđd – PPYN, trang 160, 192, 52, 48, 48, 82, 191.

(41) Kinh Di Giáo, H.T sđd tr 40

(42) Kinh Trường A Hàm, sđd – PPYN, tr 98

(43) Kinh Di Giáo, sđd tr. 42.

(44) Kinh Âm Trì Nhập, T.T Thích Bảo Lạc dịch, tr 17.

(45) Kinh Di Giáo,(46) Kinh Niết Bàn, sđd – PPYN, trang 80, 81

(47) Kinh Trung Bộ I phẩm Chánh Tri Kiến, H.T Thích Minh Châu dịch, tr 112.

(48),(49) Luận Trí Độ (50) Kinh Bảo Tích, (51) Kinh Niết Bàn, sđd – PPYN, trang 209, 210,192, 139.

(52) Kinh Pháp Cú – sđd tr 126.

53) Tăng Chi Kinh III, “Chánh Pháp và Hạnh Phúc” của H.T Thích Minh Châu ấn hành 1996, tr 213.

(54) Kinh Hcửa H.T Thích Đức Niệm tr 78.

**Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**